

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



BÁO CÁO BÀI TẬP LỚN MÔN HỌC
PHÂN TÍCH YÊU CẦU PHẦN MỀM

Đề tài:

Phân tích yêu cầu phần mềm cho website bán len 2002 Shop

Nhóm sinh viên thực hiện: Nhóm 13

Thành viên nhóm: Hoàng Thị Thanh Ngân

Hoàng Thị Thanh Thúy

Từ Ngọc Minh

Bùi Thị Hảo

Giảng viên phụ trách môn học: Nguyễn Thu Hương

Hà Nội, 2/2023

MỤC LỤC

I. BẢN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ YÊU CẦU	2
1.1. Giới thiệu	2
1.2. Công cụ	3
1.3. Các nhân tố tham gia	3
1.4. Bảng liên lạc với các nhân tố chính	3
II. THU THẬP YÊU CẦU TỪ CÁC STAKEHOLDERS (Xác định STRQ, FEAT)	4
2.1. Xác định các yêu cầu từ các Stakeholders (STRQ)	4
2.2. Xác định các FEAT từ các STRQ	9
III. MÔ HÌNH HÓA YÊU CẦU	16
3.1. Xác định các Tác nhân	16
3.2. Xác định các Use Case	16
3.3. Vẽ biểu đồ Ucs	17
3.3.1. Tổng quát	17
3.3.2. Quản lý	17
3.3.3. Khách hàng	17
IV. LUỒNG SỰ KIỆN CHO CÁC UCS CHÍNH	17
4.1. Quản lý sản phẩm	17
4.1.1. Tìm kiếm sản phẩm	18
4.1.2. Thêm sản phẩm	18
4.1.3. Cập nhật thông tin sản phẩm	21
4.2. Thống kê doanh thu	23
4.3. Nhắn tin	24
4.4. Đăng bài hướng dẫn	24
4.5. Quản lý khách hàng	25
4.5.1. Xem thông tin chi tiết của khách hàng	27
4.5.2. Tìm kiếm khách hàng	28
4.5.3. Cập nhật trạng thái khách hàng	30
4.6. Quản lý đơn hàng	31
4.6.1. Xem thông tin chi tiết đơn hàng	32
4.6.2. Cập nhật trạng thái đơn hàng	33
4.6.2.1. Duyệt đơn trả hàng	34
4.6.2.2. Duyệt đơn hàng đặt mua	0
4.7. Quản lý mã giảm giá	36
4.7.1. Thêm mã giảm giá	37
4.7.2. Cập nhật mã giảm giá	38
4.8. Đăng ký	38

4.9. Tìm kiếm sản phẩm	38
4.10. Xem sản phẩm	39
4.11. Quản lý đơn hàng cá nhân	40
4.11.1. Xem thông tin chi tiết	41
4.11.2. Hủy đơn hàng	42
4.11.3. Đánh giá sản phẩm	44
4.12. Thêm sản phẩm vào giỏ hàng	44
4.13. Xem thông tin cá nhân	44
4.14. Đặt hàng	45
4.14.1. Chọn mã giảm giá	47
4.14.2. Cập nhật địa chỉ	47
4.14.3. Chọn hình thức thanh toán	48
4.15. Quản lý giỏ hàng	49
4.15.1. Xóa sản phẩm	50
4.15.2. Cập nhật số lượng sản phẩm	50
V. XÁC ĐỊNH CÁC LỚP, XÂY DỰNG BIỂU ĐỒ LỚP	51
5.1. Xác định các lớp	51
5.2. Biểu đồ lớp	53
VI. CÁC YÊU CẦU BỔ SUNG	53
6.1. Danh sách các yêu cầu phi chức năng	53
6.2. Bảng độ đo các yêu cầu phi chức năng	54

Mở đầu

Ngày nay song song với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin cũng phát triển và giữ vai trò quan trọng trong cuộc sống của chúng ta, ngành công nghệ thông tin đã đạt được những kết quả cao, việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin đã có bước chuyển biến đáng kể. Tin học đã thâm nhập sâu vào hầu hết tất cả các lĩnh vực của xã hội và đặc biệt với nhiều ứng dụng to lớn trong các hệ thống quản lý của các công ty, nhà trường, ngân hàng... bởi tính chính xác và nhanh gọn.

Đặc biệt trong thời buổi kinh tế thị trường thì việc mua và bán hàng trực tuyến đã không còn xa lạ. Các trang bán hàng trực tuyến đã trở nên phổ biến hơn vì nó rất hữu dụng cho người tiêu dùng. Chúng ta chỉ cần vài thao tác nhỏ trên điện thoại là có thể tìm hiểu và đặt mua những sản phẩm cần thiết. Bên cạnh đó, việc quản lý các đơn hàng và tư vấn cho khách hàng, thúc đẩy nhu cầu mua hàng của khách hàng sẽ trở nên thuận tiện hơn cho các chủ cửa hàng và nhân viên.

Từ những ý tưởng trên, nhóm em xin tìm hiểu và thực hiện đề tài “Phân tích yêu cầu phần mềm cho website bán len 2002 Shop” với việc xây dựng cơ sở dữ liệu lưu trữ, tra cứu thông tin nhanh chóng, quản lý các đơn hàng, quản lý doanh thu, quản lý mặt hàng,... giúp quản lý hệ thống một cách dễ dàng và thuận tiện hơn.

I. BẢN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ YÊU CẦU

1 .1. Giới thiệu

- Mục đích: bản phân tích yêu cầu phần mềm này sẽ đặc tả phân tích yêu cầu cho website bán len 2002 Shop. Nó sẽ minh họa cụ thể và chi tiết cho việc phát triển hệ thống này, hệ thống sẽ phát triển các yêu cầu chức năng và phi chức năng, thiết kế các ràng buộc hệ thống và giao diện.
- Phạm vi: Hệ thống này được sử dụng bởi chủ cửa hàng và người mua hàng. Website này giúp các khách hàng có thể xem các sản phẩm hiện có trong cửa

hàng, đặt hàng trực tuyến. Chủ cửa hàng có thể kiểm tra các đơn hàng được đặt trên website. Đồng thời có thể thống kê doanh thu của cửa hàng.

- Website có các chức năng chính:
 - Quản lý sản phẩm
 - Quản lý khách hàng
 - Báo cáo, thống kê doanh thu
 - Đặt hàng

1.2. Công cụ

Dự án sử dụng các công cụ: Google tài liệu, Microsofr Word, StarUML, Figma, Paint

1.3. Các nhân tố tham gia

- Khách hàng: chủ cửa hàng
- Người dùng cuối
- Nhân viên

1.4. Bảng liên lạc với các nhân tố chính

Vai trò	Họ tên	Email	Số điện thoại
Chủ cửa hàng bán len 2002 Shop	Nguyễn Thị Tiên	nguyenthitien@gmail.com	03256412784
Khách hàng	Lê Phương Thảo	lephuongthao22@gmail.com	0235154228
Khách hàng	Tổng Lê Thái An	thaian21102002@gmail.com	0248734645
Khách hàng	Nguyễn Hải Yến Chi	nguyenhaichi@gmail.com	0894632212

Khách hàng	Phạm Ngọc Hà	phamngocha@gmail.com	0885465248
Nhân viên	Nguyễn Khánh Linh	nguyenlinh@gmail.com	0965485465
Nhân viên	Vũ Ngọc Hân	vungochan@gmail.com	0979556723
Nhân viên	Nguyễn Thị Hong Hạnh	honghanhnguyen@gmail.com	0976444997

II. THU THẬP YÊU CẦU TỪ CÁC STAKEHOLDERS (Xác định STRQ, FEAT)

2.1. Xác định các yêu cầu từ các Stakeholders (STRQ)

Vai trò	Kỹ thuật	STRQ
Chủ cửa hàng bán len 2022 Shop	Phỏng vấn	<p>STRQ1: website có hướng dẫn mua, thanh toán, giao nhận hàng cho khách hàng</p> <p>STRQ2: website có chức năng thống kê doanh thu theo ngày, tháng, năm hoặc theo một khoảng thời gian điền vào</p> <p>STRQ3: website cho phép khách vãng lai vào xem hàng</p> <p>STRQ4: Trang web có thể đưa ra thông tin các mặt hàng bán chạy cho khách hàng chọn lựa</p> <p>STRQ5: Có chức năng thống kê sản phẩm được bán ra trong ngày, tháng năm hoặc theo một khoảng thời gian điền vào để xem được mặt hàng nào được khách hàng mua nhiều nhất</p> <p>STRQ6: Cho phép khách hàng đăng ký tài khoản</p> <p>STRQ7: Có chức năng đăng nhập cho khách hàng</p> <p>STRQ8: Có giỏ hàng để khách hàng</p>

		<p>thêm hàng vào</p> <p>STRQ9: website có thể áp các mã giảm giá khi khách hàng mua từ 50 nghìn VND</p> <p>STRQ10: Hiển thị giá tiền từng sản phẩm cho khách hàng</p> <p>STRQ11: Cho phép khách hàng chọn thanh toán online hoặc thanh toán khi nhận hàng</p> <p>STRQ12: Có hiển thị phân cấp khách hàng khi mua trên 2 triệu thì trở thành thành viên bạc, trên 5 triệu là vàng, trên 20 triệu là kim cương</p> <p>STRQ13: Website hiển thị chính sách cho khách hàng tham khảo gồm chính sách bảo mật, chính sách an toàn, chính sách vận chuyển, chính sách đổi trả, quy định sử dụng</p> <p>STRQ14: Có thông tin về cửa hàng</p> <p>SRTQ15: có hiển thị địa chỉ của shop cho khách hàng để khách hàng có thể ghé trực tiếp cửa hàng mua hàng</p> <p>STRQ16: Có các mục phân chia sản phẩm</p> <p>STRQ17: Khách hàng có thể thay đổi ngôn ngữ của trang web</p> <p>STRQ18: Có mục để khách hàng trao</p>
--	--	---

		<p>đối với cửa hàng</p> <p>STRQ19: Khi nhấn vào logo của cửa hàng có thể trở về trang chủ</p> <p>STRQ20: Hiện thị tên Người quản lý xử lý từng đơn hàng.</p> <p>STRQ21: Cập nhật mặt hàng hết hàng cho khách hàng</p> <p>STRQ22: Có video hướng dẫn đơn, móc len cho khách hàng</p> <p>STRQ23: Chủ cửa hàng có thể thêm sửa xóa sản phẩm</p> <p>STRQ24: Khi mua sản phẩm trên 1 triệu thì được miễn phí ship</p> <p>STRQ25: Có thể tự động tính tiền ship theo địa chỉ khách hàng cung cấp</p> <p>STRQ26: Trang web có điều hướng rõ ràng</p>
Người dùng cuối	Phòng vấn, bản câu hỏi thăm dò	<p>STRQ27 : Website xếp các sản phẩm theo đúng phân loại.</p> <p>STRQ28: Website có thể hiển thị các đơn hàng đã và đang đặt.</p> <p>STRQ29: Website có hiển thị địa chỉ các chi nhánh của shop để khách hàng có thể đến mua hàng trực tiếp</p> <p>STRQ30: Website có chức năng đánh</p>

		<p>giá sản phẩm sau khi giao hàng thành công</p> <p>STRQ31: Website có những bài hướng dẫn làm các sản phẩm từ len.</p> <p>STRQ32: Website có giỏ hàng để thêm các sản phẩm.</p> <p>STRQ33: Website có hiển thị những ưu đãi khi mua hàng.</p> <p>STRQ34: Được phép hủy đơn hàng khi cửa hàng chưa xác nhận đơn hàng</p> <p>STRQ35: Website có chức năng chat với chủ cửa hàng.</p> <p>STRQ36: Được đổi địa chỉ nhận hàng</p> <p>STRQ37: Có thể nhận được thông báo lịch trình đơn hàng khi đặt</p> <p>STRQ38: Người mua hàng có thể xem được thông tin chi tiết về sản phẩm.</p> <p>STRQ39: Có tìm kiếm sản phẩm cần mua theo các mục</p> <p>STRQ40: Khách hàng thân thiết có thể chia sẻ các hướng dẫn làm sản phẩm từ len.</p> <p>STRQ41: Trong giỏ hàng có thể thay đổi số lượng, xóa mặt hàng</p> <p>STRQ42: Khách hàng có thể lưu địa chỉ</p>
--	--	---

		<p>nhận hàng của mình.</p> <p>STRQ43: Được lựa chọn hình thức thanh toán khi đặt mua hàng</p> <p>STRQ44: Người mua hàng có thể trả hàng nếu như sản phẩm đã mua không giống mô tả.</p> <p>STRQ45: Có thể xem mô tả sản phẩm theo kiểu vắn tắt hoặc chi tiết</p>
Nhân viên	Phỏng vấn	<p>STRQ46: Hiển thị thống kê sản phẩm</p> <p>STRQ47: Có thể tìm kiếm sản phẩm theo yêu cầu nhập vào.</p> <p>STRQ48: Có quyền quản lý hóa đơn từ các đơn hàng được tạo.</p> <p>STRQ49: Có chức năng xem thông tin những đơn hàng mà khách đã đặt.</p> <p>STRQ50: Xem được thông tin của khách hàng</p> <p>STRQ51: Có chức năng tư vấn cho khách hàng qua tin nhắn.</p> <p>STRQ52: Hệ thống tự động cập nhật lại số lượng mặt hàng sau khi khách mua hàng</p> <p>STRQ53: Hệ thống hiển thị các danh sách các mặt hàng giảm giá trong ngày</p>

		<p>STRQ54: Xem được các thông tin của sản phẩm</p> <p>STRQ55: Người quản lý có thể xác nhận đơn hàng sau khi khách hàng đặt mua</p> <p>STRQ56: Hệ thống cho phép quản lý in hóa đơn</p> <p>STRQ57: Lưu tên của người xác nhận xử lý đơn hàng</p> <p>STRQ58: Có các khóa học đơn, mớ cho khách hàng đăng ký học</p> <p>STRQ59: Kiểm kê các sản phẩm thiếu trong kho</p> <p>STRQ60: Có thể thêm khách hàng vào danh sách chặn mua và truy cập</p>
--	--	---

2.2. Xác định các FEAT từ các STRQ

- STRQ1: website có hướng dẫn mua, thanh toán, giao nhận hàng cho khách hàng
 - + FEAT1.1: Trang web có mục hướng dẫn mua hàng
 - + FEAT1.2: Trang web có mục hướng dẫn thanh toán
 - + FEAT1.3: Trang web có mục hướng dẫn nhận hàng
- STRQ2: website có chức năng thống kê doanh thu theo ngày, tháng, năm hoặc theo một khoảng thời gian điền vào
 - + FEAT2.1: Trang web có mục thống kê doanh thu bán hàng cho quản lý theo ngày

- + FEAT2.2: Trang web có mục thống kê doanh thu bán hàng cho quản lý theo tháng
- + FEAT2.3: Trang web có mục thống kê doanh thu bán hàng cho quản lý theo năm
- + FEAT2.4: Trang web có mục thống kê doanh thu bán hàng cho quản lý theo khoảng thời gian được nhập vào
- STRQ3: website cho phép khách vãng lai vào xem hàng
 - + FEAT3: Trang web cho phép khách chưa có đăng nhập vào xem sản phẩm
- STRQ4: Trang web có thể đưa ra thông tin các mặt hàng bán chạy cho khách hàng chọn lựa
 - + FEAT4: Trang web hiển thị thông tin các sản phẩm bán chạy
- STRQ5: Có chức năng thống kê sản phẩm được bán ra trong ngày, tháng năm hoặc theo một khoảng thời gian điền vào để xem được mặt hàng nào được khách hàng mua nhiều nhất
 - + FEAT5.1: Trang web có mục thống kê sản phẩm cho quản lý theo ngày
 - + FEAT5.1: Trang web có mục thống kê sản phẩm cho quản lý theo tháng
 - + FEAT5.1: Trang web có mục thống kê sản phẩm cho quản lý theo năm
 - + FEAT5.4: Trang web có mục thống kê sản phẩm cho quản lý theo khoảng thời gian được nhập vào
 - + FEAT5.5: Trang web có mục thống kê sản phẩm cho quản lý sản phẩm nào được khách hàng mua nhiều nhất
- STRQ6: Cho phép khách hàng đăng ký tài khoản
 - + FEAT6: Trang web có đăng ký tài khoản cho khách hàng
- STRQ7: Có chức năng đăng nhập cho khách hàng
 - + FEAT7: Trang web có chức năng đăng nhập cho khách hàng
- STRQ8: Có giỏ hàng để khách hàng thêm hàng vào
 - + FEAT8.1: Trang web có mục giỏ hàng
 - + FEAT8.2: Khách hàng được thêm sản phẩm vào giỏ hàng
- STRQ9: website có thể áp các mã giảm giá khi khách hàng mua từ 50 nghìn

VND

- + FEAT9: Khách hàng được dùng các mã giảm giá khi mua đơn hàng từ 50.000VNĐ trở lên
- STRQ10: Hiển thị giá tiền từng sản phẩm cho khách hàng
 - + FEAT10: Trang web hiển thị giá tiền cho sản phẩm trong phần thông tin sản phẩm
- STRQ11: Cho phép khách hàng chọn thanh toán online hoặc thanh toán khi nhận hàng
 - + FEAT11: Khách hàng được lựa chọn cách thanh toán online hoặc thanh toán khi nhận hàng
- STRQ12: Có hiển thị phân cấp khách hàng khi mua trên 2 triệu thì trở thành thành viên bạc, trên 5 triệu là vàng, trên 20 triệu là kim cương
 - + FEAT12: Trang web có phân cấp khách hàng
 - Khách hàng có tổng mua trên 2 triệu là thành viên bạc
 - Khách hàng có tổng mua trên 5 triệu là thành viên vàng
 - Khách hàng có tổng mua trên 20 triệu là thành viên kim cương
- STRQ13: Website hiển thị chính sách cho khách hàng tham khảo gồm chính sách bảo mật, chính sách an toàn, chính sách vận chuyển, chính sách đổi trả, quy định sử dụng
 - + FEAT13.1: Trang web có mục hiển thị chính sách bảo mật
 - + FEAT13.2: Trang web có mục hiển thị chính sách an toàn
 - + FEAT13.3: Trang web có mục hiển thị chính sách vận chuyển
 - + FEAT13.4: Trang web có mục hiển thị chính sách đổi trả
 - + FEAT13.5: Trang web có mục hiển thị quy định sử dụng
- STRQ14: Có thông tin về cửa hàng
 - + FEAT14.1: Trang web có hiển thị thông tin liên lạc của cửa hàng
 - + FEAT14.2: Trang web có hiển thị mục giới thiệu về cửa hàng
- STRQ15 trùng STRQ14
- STRQ16: Có các mục phân chia sản phẩm
 - + FEAT16: Trang web có danh mục sản phẩm
- STRQ17: Khách hàng có thể thay đổi ngôn ngữ của trang web
 - + FEAT17: Khách hàng đổi được ngôn ngữ của trang web theo 2 ngôn

ngữ Anh-Việt

- STRQ18: Có mục để khách hàng trao đổi với cửa hàng
 - + FEAT18: Trang web có mục nhắn tin với khách hàng
- STRQ19: Khi nhấn vào logo của cửa hàng có thể trở về trang chủ
 - + FEAT19: Trang web được quay lại trang chủ khi bấm chọn vào logo của cửa hàng
- STRQ20: Hiện thị tên Người quản lý xử lý từng đơn hàng
 - + FEAT20: Hiện thị tên người xử lý đơn hàng cho người quản lý
- STRQ21: Cập nhật mặt hàng hết hàng cho khách hàng
 - + FEAT21: Hệ thống sẽ tự động cập nhật mặt hàng hết hàng cho khách hàng
- STRQ22: Có video hướng dẫn đan, móc len cho khách hàng
 - + FEAT22: Hệ thống có mục hiển thị những video hướng dẫn đan móc len cho khách hàng
- STRQ23: Chủ cửa hàng có thể thêm sửa xóa sản phẩm
 - + FEAT23.1: Trang web sẽ cho phép quản lý thêm sản phẩm
 - + FEAT23.2: Trang web cho phép quản lý sửa thông tin của sản phẩm
 - + FEAT23.3: Trang web cho phép quản lý xóa thông tin của sản phẩm
- STRQ24: Khi mua sản phẩm trên 1 triệu thì được miễn phí ship
 - + FEAT24: Khách hàng mua hàng trên một triệu hệ thống sẽ tự động cập nhật miễn phí ship cho khách
- STRQ25: Có thể tự động tính tiền ship theo địa chỉ khách hàng cung cấp
 - + FEAT25: Hệ thống sẽ tự động tính tiền ship cho khách theo địa chỉ khách hàng cung cấp khi đặt hàng
- STRQ26: Trang web có điều hướng rõ ràng
 - + FEAT26.1: Các tab riêng biệt sẽ có sẵn chức năng chính
 - + FEAT26.2: Trên mỗi trang, hệ thống sẽ hiển thị danh mục gợi ý cho khách hàng
- STRQ27 : Website xếp các sản phẩm theo đúng phân loại.
 - + FEAT27: Hệ thống cập nhật các sản phẩm theo phân loại
- STRQ28: Website có thể hiển thị các đơn hàng đã và đang đặt.
 - + FEAT28.1: Hệ thống sẽ hiển thị các đơn hàng đã đặt cho quản lý

- + FEAT28.2: Hệ thống sẽ hiển thị các đơn hàng đang được đặt cho quản lý
- STRQ29 trùng STRQ14
- STRQ30: Website có chức năng đánh giá sản phẩm sau khi giao hàng thành công
 - + Khách hàng sẽ tạo đánh giá sản phẩm sau khi nhận hàng thành công
- STRQ31: Website có những bài hướng dẫn làm các sản phẩm từ len.
 - + FEAT31: Trang web sẽ có những bài viết hướng dẫn làm các sản phẩm từ len
- STRQ32: Trùng STRQ8
- STRQ33: Website có hiển thị những ưu đãi khi mua hàng.
 - + FEAT33: Trang web sẽ hiển thị những ưu đãi khi mua hàng
- STRQ34: Được phép hủy đơn hàng khi cửa hàng chưa xác nhận đơn hàng
 - + FEAT34: Khi cửa hàng chưa xác nhận đơn hàng, khách hàng được hủy đơn.
- STRQ35 trùng với STRQ18
- STRQ36: Được đổi địa chỉ nhận hàng
 - + FEAT36: Trang web cho phép khách hàng đổi địa chỉ nhận hàng.
- STRQ37: Có thể nhận được thông báo lịch trình đơn hàng khi đặt
 - + FEAT37: Trang web hiển thị lịch trình của từng đơn hàng khi giao.
- STRQ38: Người mua hàng có thể xem được thông tin chi tiết về sản phẩm.
 - + FEAT38: Người mua hàng xem được thông tin chi tiết của sản phẩm
- STRQ39: Có tìm kiếm sản phẩm cần mua theo các mục
 - + FEAT39: Trang web cho phép người mua hàng lọc sản phẩm theo các danh mục.
- STRQ40: Khách hàng thân thiết có thể chia sẻ các hướng dẫn làm sản phẩm từ len.
 - + FEAT40: Khách hàng đã có tài khoản được phép đăng các bài đăng hướng dẫn làm các sản phẩm từ len.
- STRQ41: Trong giỏ hàng có thể thay đổi số lượng, xóa mặt hàng
 - + FEAT41: Trong giỏ hàng, khách hàng thay đổi được số lượng sản phẩm, xóa sản phẩm trong giỏ hàng

- STRQ42: Khách hàng có thể lưu địa chỉ nhận hàng của mình.
 - + FEAT42: Trang web cho phép khách hàng lưu địa chỉ nhận hàng.
- STRQ43 trùng STRQ11
- STRQ44: Người mua hàng có thể trả hàng nếu như sản phẩm đã mua không giống mô tả.
 - + FEAT44: Trang web có chức năng trả hàng và hoàn tiền.
- STRQ45: Có thể xem mô tả sản phẩm theo kiểu vắn tắt hoặc chi tiết
 - + FEAT45.1: Khách hàng được phép xem mô tả sản phẩm theo kiểu vắn tắt.
 - + FEAT45.2: Khách hàng được phép xem mô tả sản phẩm theo kiểu chi tiết.
- STRQ46: Hiện thị thống kê sản phẩm
 - + FEAT46.1: Trang web thống kê các sản phẩm đã được người mua đặt trong ngày cho người quản lý
 - + FEAT46.2: Trang web hiện thị các sản phẩm đã được người mua đặt trong ngày cho người quản lý
- STRQ47: Có thể tìm kiếm sản phẩm theo yêu cầu nhập vào.
 - + FEAT47: Trang web cho phép quản lý tìm kiếm sản phẩm.
- STRQ48: Có quyền quản lý hóa đơn từ các đơn hàng được tạo.
 - + FEAT48.1 Người quản lý xem thông tin chi tiết hóa đơn trong ngày
 - + FEAT48.2: Người quản lý thống kê hóa đơn theo ngày
 - + FEAT 48.3: Người quản lý thống kê hóa đơn theo tháng
 - + FEAT 48.4 : Người quản lý thống kê hóa đơn theo năm
- STRQ49: Có chức năng xem thông tin những đơn hàng mà khách đã đặt.
 - + FEAT 49.1: Người quản lý xem thời gian đặt hàng
 - + FEAT 49.2 Người quản lý xem sản phẩm khách hàng đặt
 - + FEAT 49.3: Người quản lý xem họ và tên khách hàng
 - + FEAT 49.4: Người quản lý xem địa chỉ khách hàng
 - + FEAT 49.5: Người quản lý xem số điện thoại khách hàng
- STRQ50: Xem được thông tin của khách hàng.
 - + FEAT 50.1: Người quản lý xem họ và tên khách hàng
 - + FEAT 50.2: Người quản lý xem địa chỉ khách hàng

- + FEAT 50.3: Người quản lý xem số điện thoại khách hàng
- STRQ51 trùng STRQ18
- STRQ52: Hệ thống tự động cập nhật lại số lượng mặt hàng sau khi khách mua hàng
 - + FEAT 52.2: Trang web tự động cập nhật số lượng sản phẩm khi khách hàng mua hàng
- STRQ53: Hệ thống hiển thị các danh sách các mặt hàng giảm giá trong ngày
 - + FEAT 53: Trang web hiển thị các mặt hàng giảm giá trong ngày
- STRQ54: Xem được các thông tin của sản phẩm
 - + FEAT 54.1: Người quản lý xem tên sản phẩm
 - + FEAT 54.2: Người quản lý xem nhà sản xuất sản phẩm
 - + FEAT 54.3: Người quản lý xem thành phần của sản phẩm
 - + FEAT 54.4: Người quản lý xem loại sản phẩm
- STRQ55: Người quản lý có thể xác nhận đơn hàng sau khi khách hàng đặt mua
 - + FEAT 55: Có mục xác nhận đơn hàng cho người quản lý khi khách hàng đặt hàng
- STRQ56 trùng STRQ48
- STRQ 57 trùng STRQ20
- STRQ58: Có các khóa học đơn, móc len cho khách hàng đăng ký học
 - + FEAT 58.1: Trang web có các khóa học đơn, móc len
 - + FEAT 58.2: Khách hàng có thể đăng ký các khóa học đơn, móc len
- STRQ59 trùng 54
- STRQ60: Có thể thêm khách hàng vào danh sách chặn mua và truy cập
 - + FEAT 60: Người quản lý được thêm khách hàng vào danh sách chặn truy cập

III. MÔ HÌNH HÓA YÊU CẦU

3.1. Xác định các Tác nhân

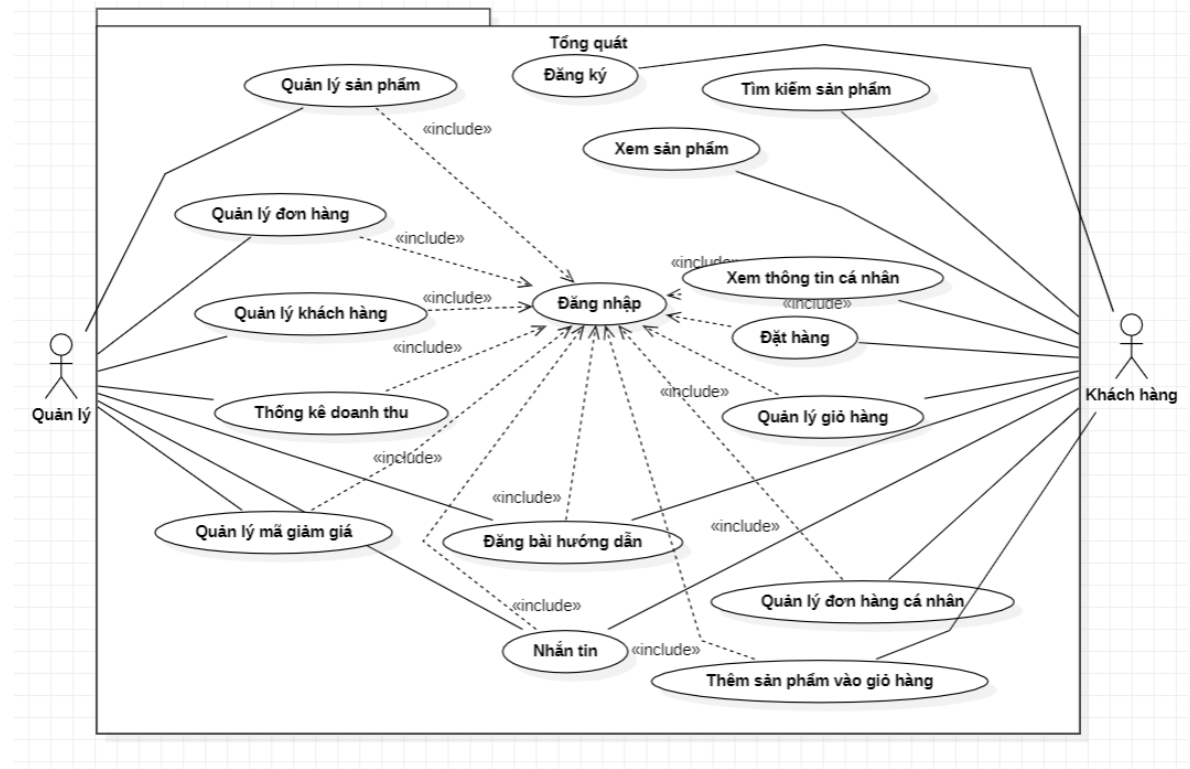
-Các tác nhân: Quản lý và khách hàng

3.2. Xác định các Use Case

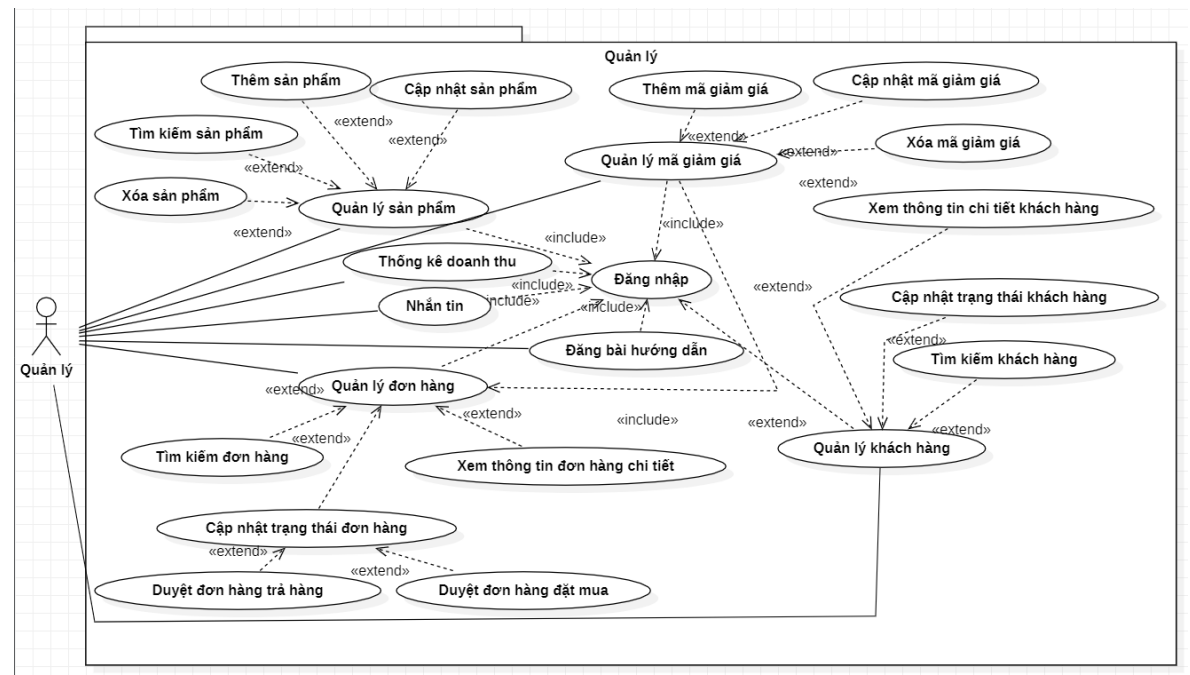
- Quản lý sản phẩm
 - + Tìm kiếm sản phẩm
 - + Thêm sản phẩm
 - + Cập nhật thông tin sản phẩm
 - + Xóa sản phẩm
 - + Xem thông tin chi tiết sản phẩm
- Thống kê doanh thu
- Nhấn tin
- Đăng bài hướng dẫn
- Quản lý khách hàng
 - + Xem thông tin chi tiết của khách hàng
 - + Tìm kiếm khách hàng
 - + Cập nhật trạng thái của khách hàng
- Quản lý đơn hàng
 - + Xem thông tin chi tiết của đơn hàng
 - + Cập nhật trạng thái đơn hàng
 - Duyệt đơn trả hàng
 - Duyệt đơn hàng đặt mua
- Quản lý mã giảm giá
 - + Thêm mã giảm giá
 - + Cập nhật mã giảm giá
 - + Xóa mã giảm giá
- Đăng ký
- Tìm kiếm sản phẩm
- Xem sản phẩm
- Quản lý đơn hàng cá nhân
 - + Xem thông tin đơn hàng chi tiết
 - Hủy đơn hàng
 - Đánh giá sản phẩm
 - Yêu cầu trả hàng
 - + Tìm kiếm đơn hàng
- Thêm sản phẩm vào giỏ hàng
- Xem thông tin cá nhân
- Đặt hàng
 - + Chọn mã giảm giá
 - + Cập nhật địa chỉ
 - + Chọn hình thức thanh toán
- Quản lý giỏ hàng
 - + Xóa sản phẩm
 - + Cập nhật số lượng

3.3. Vẽ biểu đồ Ucs

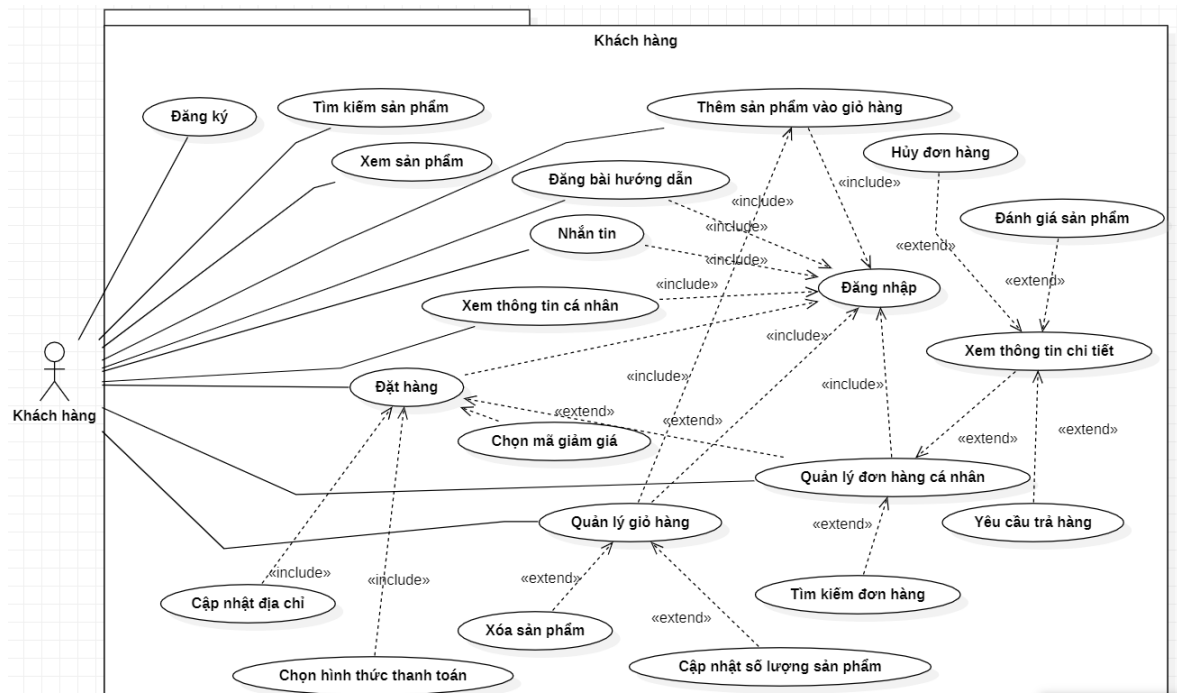
3.3.1. Tổng quát



3.3.2. Quản lý



3.3.3. Khách hàng



IV. LƯỖNG SỰ KIỆN CHO CÁC UCS CHÍNH

4.1. Quản lý sản phẩm

Tên usecase	Quản lý sản phẩm
Actor	Quản lý
Mục đích	Quản lý về sản phẩm
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc
Mức	1
Điều kiện kích hoạt	Quản lý chọn chức năng “ Quản lý sản phẩm ”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đăng nhập vào website thành công với phân quyền của người quản lý
Điều kiện thành công	Hiện thị giao diện quản lý sản phẩm
Điều kiện thất bại	Không hiện thị giao diện quản lý sản phẩm
Luồn sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none">1. Quản lý nhân chọn “Quản lý sản phẩm”2. Hệ thống xác nhận yêu cầu3. Hệ thống hiện thị danh sách các sản phẩm ở dạng ngắn gọn (Mã sản phẩm, tên sản phẩm, số lượng, giá bán, giá nhập, mô tả), thanh tìm kiếm, và hiện thị các chức năng:<ul style="list-style-type: none">+ Tìm kiếm sản phẩm (luồng con a1.1)+ Thêm sản phẩm (luồng con a+ Cập nhật sản phẩm+ Xóa sản phẩm+ Xem thông tin chi tiết4. Quản lý chọn chức năng cần dùng
Luồn sự kiện ngoại lệ	Không có

4.1.1. Tìm kiếm sản phẩm

Tên usecase	Tìm kiếm sản phẩm
Actor	Quản lý
Mục đích	Tìm kiếm sản phẩm
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Điều kiện kích hoạt	Khi Quản lý bấm chọn “ Tìm kiếm ”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đang ở giao diện “ Quản lý sản phẩm ”
Điều kiện thành công	Quản lý tìm kiếm sản phẩm theo mong muốn thành công
Điều kiện thất bại	Không có
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý nhập tên của sản phẩm cần tìm kiếm vào thanh tìm kiếm 2. Quản lý bấm chọn “Tìm kiếm” 3. Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm liên quan
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.1.2. Thêm sản phẩm

Tên usecase	Thêm sản phẩm
Actor	Quản lý
Mục đích	Thêm sản phẩm
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc
Mức	1
Điều kiện kích hoạt	Khách hàng bấm chọn “ Thêm ”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đang thực thi trên giao diện “ Quản lý sản phẩm ”
Điều kiện thành công	Thêm thành công dữ liệu của sản phẩm vào CSDL
Điều kiện thất bại	Không lưu được dữ liệu của sản phẩm vào CSDL
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý bấm chọn “Thêm” 2. Hệ thống hiển thị giao diện điền thông tin cần thiết để thêm sản phẩm, giao diện điền có các mục: <ul style="list-style-type: none"> + Mã sản phẩm + Tên sản phẩm + Số lượng + Tên nhà cung cấp + Loại hàng + Giá nhập + Giá bán + Mô tả + Khối lượng + Xuất xứ + Hình ảnh 3. Quản lý điền thông tin 4. Quản lý bấm chọn “Thêm” 5. Hệ thống kiểm tra các thông tin vừa nhập
Luồng sự kiện ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> 2.1. Quản lý nhập mã sản phẩm đã tồn tại trong CSDL 5.1. Quản lý không nhập thông tin các mục bắt buộc

--	--

4.1.3. Cập nhật thông tin sản phẩm

Tên usecase	Cập nhật thông tin sản phẩm
Actor	Quản lý
Mục đích	Cập nhật thông tin sản phẩm
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc
Điều kiện kích hoạt	Khi quản lý bấm chọn “ Cập nhật ”
Điều kiện tiên quyết	Khi quản lý đang thực thi trên giao diện “ Quản lý sản phẩm ”
Điều kiện thành công	Cập nhật được dữ liệu sản phẩm vào CSDL
Điều kiện thất bại	Không cập nhật được dữ liệu sản phẩm vào CSDL
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý bấm chọn “Cập nhật” ở dòng sản phẩm muốn sửa thông tin 2. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của sản phẩm vừa được chọn 3. Quản lý sửa các thông tin theo mong muốn (Quản lý không được sửa mã sản phẩm) 4. Quản lý bấm chọn “Lưu” 5. Hệ thống kiểm tra dữ liệu nhập vào 6. Hệ thống thông báo thành công và lưu vào CSDL

Luồng sự kiện ngoại lệ	5.1. Quản lý bỏ trống các mục bắt buộc điền
------------------------	---

4.1.4. Xóa sản phẩm

Tên usecase	Xóa sản phẩm
Actor	Quản lý
Mục đích	Xóa sản phẩm
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Mức	2
Điều kiện kích hoạt	Quản lý chọn chức năng “Xóa”
Điều kiện tiên quyết	Khi quản lý đang thực thi trên giao diện “Quản lý sản phẩm”
Điều kiện thành công	Xóa sản phẩm thành công
Điều kiện thất bại	Xóa sản phẩm thất bại
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý chọn sản phẩm muốn xóa 2. Quản lý bấm chọn “Xóa” 3. Hệ thống xác nhận yêu cầu 4. Thông báo xóa sản phẩm thành công

Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có
------------------------	----------

4.2. Thống kê doanh thu

Tên usecase	Thống kê doanh thu
Actor	Quản lý
Mục đích	Xem doanh thu của cửa hàng
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc
Điều kiện kích hoạt	Quản lý bấm chọn “Thống kê”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý muốn xem thống kê doanh thu
Điều kiện thành công	Quản lý xem được doanh thu của cửa hàng theo thống kê
Điều kiện thất bại	Quản lý không xem được thống kê doanh thu
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý bấm chọn “Thống kê” 2. Hệ thống hiển thị tổng tiền thu được trong tháng, và các đơn hàng trong tháng 3. Quản lý bấm chọn thống kê theo ngày, tháng, năm hoặc theo khoảng thời gian mong muốn 4. Hệ thống hiển thị tổng doanh thu, tiền vốn, số đơn trả hàng, tiền lãi
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.3. Nhắn tin

Tên usecase	Nhắn tin
Actor	Quản lý, Khách hàng
Mục đích	Trao đổi thông tin
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc
Điều kiện kích hoạt	Khi người dùng bấm chọn “ Nhắn tin ”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý hoặc người dùng có nhu cầu trao đổi thông tin
Điều kiện thành công	Quản lý và người dùng nhận được thông tin gửi từ bên còn lại
Điều kiện thất bại	Quản lý và người dùng không nhận được thông tin gửi từ bên còn lại
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none">1. Người dùng chọn “Nhắn tin”2. Người dùng chọn người cần gửi tin nhắn3. Hệ thống hiển thị giao diện nhắn tin với người được chọn4. Người dùng nhắn tin
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.4. Đăng bài hướng dẫn

Tên usecase	Đăng bài hướng dẫn
Actor	Quản lý, Khách hàng
Mục đích	Đăng các bài hướng dẫn về đàn len
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc
Điều kiện kích hoạt	Khi người dùng bấm chọn “ Đăng bài ”
Điều kiện tiên quyết	Người dùng đã đăng nhập
Điều kiện thành công	Người dùng đăng bài thành công
Điều kiện thất bại	Người dùng đăng bài thất bại
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none">1. Người dùng bấm chọn “Đăng bài”2. Hệ thống hiển thị giao diện đăng bài, gồm các mục<ul style="list-style-type: none">+ Tên bài đăng+ Tên người đăng+ Nội dung bài đăng3. Người dùng thêm các thông tin4. Người dùng bấm chọn “Đăng”5. Hệ thống xác nhận thành công, giao diện đăng bài trở về ban đầu và bài đăng hiển thị trên trang web.

Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có
------------------------	----------

4.5. Quản lý khách hàng

Tên usecase	Quản lý khách hàng
Actor	Quản lý
Mục đích	Quản lý các thông tin của khách hàng
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc phải có
Mức	1
Điều kiện kích hoạt	Quản lý chọn chức năng “ Quản lý khách hàng ”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đăng nhập vào website thành công với phân quyền của người quản lý
Điều kiện thành công	Hiện thị danh sách khách hàng có tài khoản đã đăng ký tại website
Điều kiện thất bại	Không hiện thị các danh sách khách hàng có tài khoản đã đăng ký tại website
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý nhấn chọn “Quản lý khách hàng” 2. Hệ thống đưa ra màn hình danh sách khách hàng với thông tin ngắn gọn (mã khách hàng, tên khách hàng, số điện thoại,), và thanh tìm kiếm 3. Quản lý có thể chọn các chức năng trong trang: <ul style="list-style-type: none"> + Xem chi tiết thông tin khách hàng (luồng con A5.1) + Cập nhật trạng thái (luồng con A5.2) + Tìm kiếm khách hàng (luồng con A5.3)

Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có
------------------------	----------

4.5.1. Xem thông tin chi tiết của khách hàng (luồng con A5.1)

Tên usecase	Xem thông tin chi tiết của khách hàng
Actor	Quản lý
Mục đích	Xem thông tin chi tiết của khách hàng
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc phải có
Mức	2
Điều kiện kích hoạt	Quản lý chọn biểu tượng xem chi tiết thông tin của khách hàng muốn xem
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đăng nhập vào website thành công với phân quyền của người quản lý
Điều kiện thành công	Hiển thị chi tiết tất cả thông tin của khách hàng
Điều kiện thất bại	Không hiển thị thông tin chi tiết của khách hàng
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý bấm chọn nút “Thông tin chi tiết” trên dòng khách hàng muốn xem thông tin 2. Hệ thống xác nhận yêu cầu và lấy thông tin khách hàng từ trong CSDL 3. Hệ thống hiển thị ra giao diện thông tin chi tiết của khách hàng gồm: Tên đăng nhập, họ tên, địa chỉ, số điện thoại đăng ký, số điện thoại khi đặt hàng, email(nếu có), ngày sinh, tài khoản/thẻ ngân hàng, trạng thái. 4. Quản lý nhấn chọn thoát để kết thúc quá trình xem thông tin chi tiết khách hàng
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.5.2. Tìm kiếm khách hàng (luồng con A5.3)

Tên use case	Tìm kiếm khách hàng
Tác nhân chính	Quản lý
Mục đích	Tìm kiếm thông tin của khách hàng
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc phải có
Mức	2
Điều kiện kích hoạt	Quản lý chọn tìm kiếm khách hàng trong giao diện “ Khách hàng ”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đăng nhập vào website thành công với phân quyền của người quản lý
Điều kiện thành công	Hiển thị thông tin khách hàng cần tìm kiếm ra màn hình
Điều kiện thất bại	Quản lý không thể tìm kiếm được thông tin khách hàng cần tìm
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tại trang “Khách hàng” quản lý nhập vào ô textbox thông tin khách hàng cần tìm kiếm theo: Tên khách hàng, số điện thoại của khách hàng, địa chỉ khách hàng 2. Quản lý nhấn chọn biểu tượng “Tìm kiếm”

	<p>3. Hệ thống xác nhận yêu cầu và kiểm tra trong CSDL thông tin trùng khớp với nội dung cần tìm</p> <p>4. Hệ thống hiện danh sách khách hàng trùng khớp với thông tin tìm kiếm</p>
Luồng sự kiện ngoại lệ	<p>3.1 Không có khách hàng nào trùng khớp thông tin nhập tìm kiếm</p> <p>3.1a Hệ thống hiện thông báo không có khách hàng nào trùng khớp</p> <p>3.1b Quản lý chọn “OK”</p> <p>3.1c Hệ thống quay lại form “Khách hàng” ban đầu</p>

4.5.3. Cập nhật trạng thái khách hàng (luồng con A5.2)

Tên usecase	Cập nhật trạng thái khách hàng
Actor	Quản lý
Mục đích	Cập nhật trạng thái cấp bậc thành viên hoặc chặn khách hàng
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Mức	2
Điều kiện kích hoạt	Quản lý chọn chức năng “ Trạng thái ” của khách hàng muốn cập nhật cấp bậc thành viên hoặc chặn khách hàng
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đăng nhập vào website thành công với phân quyền của người quản lý

Điều kiện thành công	Cập nhật trạng thái khách hàng thành công
Điều kiện thất bại	Không cập nhật được trạng thái cho khách hàng
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý chọn khách hàng cần thêm trạng thái thành viên 2. Quản lý nhấn chọn “Trạng thái” 3. Hệ thống đưa ra listbox trạng thái gồm: thành viên đồng, thành viên bạc, thành viên vàng, thành viên kim cương, chặn khách hàng. 4. Quản lý chọn trạng thái thành viên cho khách hàng. 5. Hệ thống xác nhận và cập nhật lại vào trong CSDL 6. Hệ thống đưa ra màn hình trạng thái thành viên
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.6.Quản lý đơn hàng

Tên usecase	Quản lý đơn hàng
Actor	Quản lý
Mục đích	Quản lý các thông tin của đơn hàng
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc phải có
Mức	1
Điều kiện kích hoạt	Quản lý chọn chức năng “ Quản lý đơn hàng ”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đăng nhập vào website thành công với phân quyền của người quản lý
Điều kiện thành công	Hiển thị danh sách đơn hàng đã được khách hàng đặt

Điều kiện thất bại	Không hiển thị các danh sách đơn hàng được khách hàng đặt
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý nhấn chọn “Quản lý đơn hàng” 2. Hệ thống xác nhận yêu cầu 3. Hệ thống đưa ra màn hình danh sách đơn hàng. Đơn hàng sẽ gồm các mục: tên khách hàng, số điện thoại, tên sản phẩm, số lượng, tình trạng giao hàng, giá thành 4. Khách hàng có thể chọn các chức năng: tìm kiếm đơn hàng(luồng con A6.1), xem thông tin chi tiết đơn hàng(Luồng con A6.2), cập nhật trạng thái đơn hàng(luồng con A6.3)
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.6.1. Xem thông tin chi tiết đơn hàng (luồng con A6.2)

Tên usecase	Xem thông tin chi tiết khách hàng
Actor	Quản lý
Mục đích	Xem thông tin chi tiết đơn hàng đã đặt
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc phải có
Mức	2
Điều kiện kích hoạt	Quản lý chọn biểu tượng xem chi tiết thông tin đơn hàng muốn xem
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đăng nhập vào website thành công với phân quyền của người quản lý
Điều kiện thành công	Hiển thị chi tiết tất cả thông tin của đơn hàng

Điều kiện thất bại	Không hiển thị thông tin chi tiết của đơn hàng
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý chọn “Thông tin chi tiết” trên dòng đơn hàng muốn xem 2. Hệ thống xác nhận yêu cầu và lấy thông tin đơn hàng từ trong CSDL 3. Hệ thống hiển thị ra form thông tin chi tiết của đơn hàng gồm: Tên người mua, số điện thoại, địa chỉ giao hàng, email khách hàng, tên sản phẩm, mã sản phẩm, số lượng, thành tiền, hình thức thanh toán, và tình trạng giao hàng, thông tin vận chuyển 4. Quản lý nhấn chọn thoát để kết thúc quá trình xem thông tin chi tiết đơn hàng
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.6.2. Cập nhật trạng thái đơn hàng(luồng A6.3)

Tên usecase	Cập nhật trạng thái đơn giao hàng
Actor	Quản lý
Mục đích	Cập nhật trạng thái đơn hàng
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Mức	2
Điều kiện kích hoạt	Quản lý chọn chức năng “ Trạng thái đơn hàng ”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đăng nhập vào website thành công với phân quyền của người quản lý
Điều kiện thành công	Cập nhật trạng đơn hàng hàng thành công
Điều kiện thất bại	Không cập nhật được trạng thái đơn hàng

Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý nhấn chọn “Trạng thái đơn hàng” 2. Hệ thống xác nhận yêu cầu 3. Quản lý chọn duyệt đơn trả hàng hoặc duyệt đơn đặt mua 4. Hệ thống đưa ra giao diện duyệt đơn hàng theo yêu cầu quản lý 5. Quản lý chọn đơn hàng cần duyệt 6. Quản lý xác nhận trạng thái đơn hàng 7. Hệ thống xác nhận và cập nhật vào trong CSDL 8. Hệ thống đưa ra màn hình trạng thái đơn hàng
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.6.2.1. Duyệt đơn trả hàng

Tên usecase	Duyệt đơn trả hàng
Actor	Quản lý
Mục đích	Duyệt, cập nhật đơn trả hàng của khách hàng
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Mức	2
Điều kiện kích hoạt	Quản lý chọn chức năng “ Duyệt đơn trả hàng ”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đăng nhập vào website thành công với phân quyền của người quản lý
Điều kiện thành công	Duyệt đơn trả hàng hàng thành công
Điều kiện thất bại	Không duyệt được đơn trả hàng cho khách hàng
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý nhấn chọn “Duyệt đơn trả hàng” 2. Hệ thống xác nhận yêu cầu 3. Hệ thống đưa ra giao diện duyệt đơn trả hàng

	4. Hệ thống đưa ra danh sách đơn yêu cầu trả hàng trong CSDL 5. Quản lý chọn đơn hàng cần duyệt 6. Quản lý xác nhận đơn trả hàng cho khách hàng 7. Hệ thống xác nhận và cập nhật vào trong CSDL 8. Hệ thống đưa ra màn hình xác nhận đơn hàng thành công
Luồng sự kiện ngoại lệ	5.1 Quản lý không xác nhận đơn trả hàng của khách trong trường hợp khách đã nhận hàng thành công 1-2 ngày hoặc do bên người dùng làm hỏng sản phẩm 5.1a Quản lý liên hệ lại với khách hàng để lựa chọn cách giải quyết

4.6.2.2. Duyệt đơn hàng đặt mua

Tên usecase	Duyệt đơn hàng đặt mua
Actor	Quản lý
Mục đích	Duyệt, cập nhật đơn hàng đặt mua của khách hàng
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Mức	2
Điều kiện kích hoạt	Quản lý chọn chức năng “ Duyệt đơn đặt mua ”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đăng nhập vào website thành công với phân quyền của người quản lý
Điều kiện thành công	Duyệt đơn đặt mua cho khách hàng thành công
Điều kiện thất bại	Không duyệt được đơn đặt mua hàng cho khách hàng

Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý nhân chọn “Duyệt đơn đặt mua” 2. Hệ thống xác nhận yêu cầu 3. Hệ thống đưa ra giao diện duyệt đơn hàng 4. Hệ thống đưa ra danh sách các đơn hàng đặt mua 5. Quản lý chọn đơn hàng cần duyệt 6. Quản lý xác nhận đơn đặt mua hàng cho khách hàng 7. Hệ thống kiểm tra và xác nhận và cập nhật vào trong CSDL 8. Hệ thống đưa ra màn hình xác nhận đơn hàng thành công
Luồng sự kiện ngoại lệ	<p>7.1 Hệ thống kiểm tra sản phẩm đã hết hàng</p> <p>7.1a Hệ thống đưa ra thông báo sản phẩm này đã hết hàng</p> <p>7.1b Quản lý liên hệ với khách hàng thông báo đã hết hàng sản phẩm khách hàng cần mua và có thể gợi ý một số sản phẩm tương đương với sản phẩm để đổi sản phẩm cho khách hàng</p>

4.6.3. Tìm kiếm đơn hàng

Tên use case	Tìm kiếm đơn hàng
Tác nhân chính	Quản lý
Mục đích	Tìm kiếm thông tin của đơn hàng
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc phải có
Mức	2

Điều kiện kích hoạt	Quản lý chọn tìm kiếm đơn hàng trong giao diện “ Đơn hàng ”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đăng nhập vào website thành công với phân quyền của người quản lý
Điều kiện thành công	Hiển thị thông tin đơn hàng cần tìm kiếm ra màn hình
Điều kiện thất bại	Quản lý không thể tìm kiếm được thông tin đơn hàng cần tìm
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tại trang “Đơn hàng” quản lý nhập vào ô textbox thông tin đơn hàng cần tìm kiếm theo: mã đơn hàng, mã khách hàng, tên khách hàng, số điện thoại 2. Quản lý nhấn chọn biểu tượng “Tìm kiếm” 3. Hệ thống xác nhận yêu cầu và kiểm tra trong CSDL thông tin trùng khớp với nội dung cần tìm 4. Hệ thống hiện danh sách đơn hàng trùng khớp với thông tin tìm kiếm
Luồng sự kiện ngoại lệ	<p>3.1 Không có đơn hàng nào trùng khớp thông tin cần tìm kiếm</p> <p>3.1a Hệ thống hiện thông báo không có đơn hàng nào trùng khớp</p> <p>3.1b Quản lý chọn “OK”</p> <p>3.1c Hệ thống quay lại form “Đơn hàng” ban đầu</p>

4.7. Quản lý mã giảm giá

Tên usecase	Quản lý mã giảm giá
Actor	Quản lý
Mục đích	Quản lý về mã giảm giá
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc
Mức	1
Điều kiện kích hoạt	Quản lý chọn chức năng “ Quản lý mã giảm giá ”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đăng nhập vào website thành công với phân quyền của người quản lý
Điều kiện thành công	Hiện thị giao diện quản lý mã giảm giá
Điều kiện thất bại	Không hiện thị giao diện quản lý giảm giá
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none">5. Quản lý nhấn chọn “Quản lý mã giảm giá”6. Hệ thống xác nhận yêu cầu7. Hệ thống hiện thị danh sách mã giảm giá (Mã giảm giá, số lượng, đối tượng sử dụng, ngày phát hành, ngày kết thúc, mô tả), hiện thị các chức năng:<ul style="list-style-type: none">+ Thêm sản phẩm+ Cập nhật sản phẩm+ Xóa sản phẩm8. Quản lý chọn chức năng cần dùng
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.7.1. Thêm mã giảm giá

Tên usecase	Thêm mã giảm giá
Actor	Quản lý
Mục đích	Thêm mã giảm giá
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc
Mức	1
Điều kiện kích hoạt	Khách hàng bấm chọn “ Thêm ”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đang thực thi trên giao diện “ Quản lý mã giảm giá ”
Điều kiện thành công	Thêm thành công dữ liệu của mã giảm giá vào CSDL
Điều kiện thất bại	Không lưu được dữ liệu của mã giảm giá vào CSDL
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý bấm chọn “Thêm” 2. Hệ thống hiển thị giao diện điền thông tin cần thiết để thêm mã giảm giá, giao diện điền có các mục: <ul style="list-style-type: none"> + Mã giảm giá + Số lượng ban đầu + Đối tượng sử dụng + Ngày phát hành + Ngày kết thúc + Mô tả 3. Quản lý điền thông tin 4. Quản lý bấm chọn “Thêm” 5. Hệ thống kiểm tra các thông tin vừa nhập, cập nhật số lượng còn bằng số lượng ban đầu, thông báo thành công và lưu vào CSDL
Luồng sự kiện ngoại lệ	<p>2.1. Quản lý nhập mã sản phẩm đã tồn tại trong CSDL</p> <p>5.1. Quản lý không nhập thông tin các mục bắt buộc</p>

4.7.2. Cập nhật mã giảm giá

Tên usecase	Cập nhật mã giảm giá
Actor	Quản lý
Mục đích	Cập nhật mã giảm giá
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc
Điều kiện kích hoạt	Khi quản lý bấm chọn “ Cập nhật ”
Điều kiện tiên quyết	Khi quản lý đang thực thi trên giao diện “ Quản lý mã giảm giá ”
Điều kiện thành công	Cập nhật được dữ liệu mã giảm giá vào CSDL
Điều kiện thất bại	Không cập nhật được dữ liệu mã giảm giá vào CSDL
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none">1. Quản lý bấm chọn “Cập nhật” ở dòng mã giảm giá muốn sửa thông tin2. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của mã giảm giá vừa được chọn3. Quản lý sửa các thông tin theo mong muốn (Quản lý không được sửa mục mã giảm giảm giá)4. Quản lý bấm chọn “Lưu”5. Hệ thống kiểm tra dữ liệu nhập vào6. Hệ thống thông báo thành công và lưu vào CSDL

Luồng sự kiện ngoại lệ	5.1. Quản lý bỏ trống các mục bắt buộc điền
------------------------	---

4.7.3. Xóa mã giảm giá

Tên usecase	Xóa mã giảm giá
Actor	Quản lý
Mục đích	Xóa mã giảm giá
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc
Mức	1
Điều kiện kích hoạt	Quản lý bấm chọn “ Xóa ”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đang thực thi trên giao diện “ Quản lý mã giảm giá ”
Điều kiện thành công	Xóa mã giảm giá thành công
Điều kiện thất bại	Xóa mã giảm giá thất bại

Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý bấm chọn nút “Xóa” trên dòng mã giảm giá muốn xóa 2. Hệ thống hiển thị giao diện xác nhận 3. Quản lý bấm chọn “Đồng ý” 4. Hệ thống xác nhận thành công và xóa dữ liệu của mã giảm giá khỏi CSDL
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.8. Đăng ký

Tên usecase	Đăng ký
Actor	Khách hàng
Mục đích	Đăng ký tài khoản
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc
Điều kiện kích hoạt	Khi người dùng chọn chức năng “ Đăng ký ”
Điều kiện tiên quyết	Khách hàng chưa có tài khoản
Điều kiện thành công	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng đăng ký tài khoản thành công 2. Hệ thống ghi nhận tài khoản
Điều kiện thất bại	Khách hàng đăng ký tài khoản không thành công

Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng truy cập vào trang 2. Khách hàng đăng ký tài khoản với các thông tin: số điện thoại, mật khẩu 3. Khách hàng bấm chọn “Đăng ký” 4. Hệ thống kiểm tra thông tin đăng ký 5. Hệ thống thông báo đăng ký thành công 6. Khách hàng đăng ký thành công
Luồng sự kiện ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> 2.1. Số điện thoại đăng ký tài khoản đã tồn tại 2.2. Khách hàng không nhập số điện thoại hoặc mật khẩu

4.9. Tìm kiếm sản phẩm

Tên usecase	Tìm kiếm sản phẩm
Actor	Khách hàng
Mục đích	Tìm kiếm sản phẩm
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Điều kiện kích hoạt	Khi khách hàng chọn chức năng “ Tìm kiếm sản phẩm ”
Điều kiện tiên quyết	Không có
Điều kiện thành công	Khách hàng tìm kiếm sản phẩm thành công

Điều kiện thất bại	Không có
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng nhập tên sản phẩm cần tìm trên thanh tìm kiếm 2. Khách hàng bấm “Tìm kiếm” 3. Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm liên quan
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.10. Xem sản phẩm

Tên usecase	Xem sản phẩm
Actor	Khách hàng
Mục đích	Xem thông tin sản phẩm
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Điều kiện kích hoạt	Khi người dùng chọn sản phẩm
Điều kiện tiên quyết	Không có
Điều kiện thành công	Khách hàng xem sản phẩm thành công

Điều kiện thất bại	Không có
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng chọn sản phẩm muốn xem 2. Hệ thống hiển thị thông tin mô tả sản phẩm. Bao gồm: Tên sản phẩm, hình ảnh, khối lượng, khối lượng, đơn giá, số lượng còn lại trong kho, công dụng của sản phẩm.
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.11. Quản lý đơn hàng cá nhân

Tên usecase	Quản lý đơn hàng cá nhân
Actor	Khách hàng
Mục đích	Quản lý đơn hàng cá nhân
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Điều kiện kích hoạt	Khi khách hàng chọn chức năng “Đơn hàng”
Điều kiện tiên quyết	Khách hàng phải đăng nhập vào tài khoản
Điều kiện thành công	Khách hàng truy cập đơn hàng thành công

Điều kiện thất bại	Không có
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng chọn “Tài khoản cá nhân” 2. Hệ thống hiển thị thông tin cá nhân của người dùng 3. Khách hàng chọn mục “Đơn hàng” 4. Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng của người dùng ở dạng ngắn gọn: <mã đơn hàng, trạng thái đơn hàng, tổng số tiền> và các chức năng: Xem thông tin chi tiết (4.11.1) Tìm kiếm đơn hàng (4.11.2)
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.11.1. Xem thông tin chi tiết

Tên usecase	Xem thông tin đơn hàng chi tiết
Actor	Khách hàng
Mục đích	Xem thông tin đơn hàng chi tiết
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Điều kiện kích hoạt	Khi người dùng chọn đơn hàng
Điều kiện tiên quyết	Khách hàng đã đặt ít nhất 1 đơn hàng

Điều kiện thành công	Khách hàng xem thông tin đơn hàng thành công
Điều kiện thất bại	Không có
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng bấm chọn “Quản lý đơn hàng” 2. Hệ thống hiển thị danh sách đơn hàng 3. Khách hàng chọn đơn hàng muốn xem thông tin 4. Hệ thống hiển thị thông tin đơn hàng. Gồm có: <ul style="list-style-type: none"> + Tên sản phẩm trong đơn hàng + Số lượng từng loại sản phẩm + Giá tiền + Tiến độ đơn hàng + Thời gian đặt hàng + Thời gian thanh toán (với đơn hàng đã được thanh toán trước) + Thời gian giao hàng thành công (với đơn hàng đã được giao thành công) + Thời gian hủy đơn hàng (với đơn hàng đã được hủy) + Tình trạng trả hàng (với đơn hàng được yêu cầu trả hàng) <p>Các chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hủy đơn hàng Đánh giá sản phẩm Yêu cầu trả hàng
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.11.1.1. Hủy đơn hàng

Tên usecase	Hủy đơn hàng
-------------	--------------

Actor	Khách hàng
Mục đích	Hủy đơn hàng đã đặt
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Điều kiện kích hoạt	Khi khách hàng bấm “Hủy đơn hàng”
Điều kiện tiên quyết	Khách hàng đã đặt đơn hàng và chưa được chủ cửa hàng xác nhận
Điều kiện thành công	Khách hàng hủy đơn thành công
Điều kiện thất bại	Khách hàng hủy đơn hàng không thành công
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng bấm chọn “Quản lý đơn hàng” 2. Hệ thống hiển thị danh sách đơn hàng 3. Khách hàng chọn đơn hàng muốn xem thông tin 4. Hệ thống hiển thị thông tin đơn hàng 5. Khách hàng bấm “Hủy đơn hàng” 6. Hệ thống hiển thị giao diện xác nhận 7. Khách hàng bấm xác nhận 8. Hệ thống kiểm tra xem chủ cửa hàng đã xác nhận đơn hàng chưa. 9. Hệ thống thông báo hủy đơn hàng thành công
Luồng sự kiện ngoại lệ	8.1 Chủ cửa hàng đã xác nhận đơn hàng, người mua hàng hủy đơn hàng không thành công.

4.11.1.2. Đánh giá sản phẩm

Tên usecase	Đánh giá sản phẩm
Actor	Khách hàng
Mục đích	Đánh giá sản phẩm đã mua
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Điều kiện kích hoạt	Khi khách hàng bấm “Đánh giá”
Điều kiện tiên quyết	Khách hàng đã đặt đơn hàng và đã nhận được hàng
Điều kiện thành công	Khách hàng đánh giá sản phẩm thành công
Điều kiện thất bại	Khách hàng đánh giá sản phẩm không thành công
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng bấm chọn “Quản lý đơn hàng” 2. Hệ thống hiển thị danh sách đơn hàng 3. Khách hàng chọn đơn hàng muốn xem thông tin 4. Hệ thống hiển thị thông tin đơn hàng 5. Khách hàng bấm “Đánh giá” 6. Hệ thống hiển thị giao diện đánh giá 7. Khách hàng nhập nội dung đánh giá 8. Khách hàng bấm “Gửi” 9. Hệ thống thông báo đánh giá sản phẩm thành công

Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có
------------------------	----------

4.11.1.3. Yêu cầu trả hàng

Tên usecase	Yêu cầu trả hàng
Actor	Khách hàng
Mục đích	Yêu cầu trả đơn hàng
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Điều kiện kích hoạt	Khi khách hàng bấm “Trả hàng”
Điều kiện tiên quyết	Đơn hàng khách hàng đặt đã được giao thành công
Điều kiện thành công	Khách hàng yêu cầu trả hàng thành công
Điều kiện thất bại	Đơn hàng được yêu cầu trả hàng chưa được giao thành công
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng bấm chọn “Quản lý đơn hàng” 2. Hệ thống hiển thị danh sách đơn hàng 3. Khách hàng chọn đơn hàng muốn xem thông tin 4. Hệ thống hiển thị thông tin đơn hàng 5. Khách hàng bấm “Trả hàng”

	6. Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu trả hàng đang được xử lý
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.11.2. Tìm kiếm đơn hàng

Tên usecase	Tìm kiếm đơn hàng
Actor	Khách hàng
Mục đích	Tìm kiếm đơn hàng
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Điều kiện kích hoạt	Khi khách hàng bấm “ Tìm kiếm ”
Điều kiện tiên quyết	Khách hàng đã đăng nhập thành công vào hệ thống
Điều kiện thành công	Khách hàng tìm kiếm đơn hàng thành công
Điều kiện thất bại	Không có

Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng bấm chọn “Quản lý đơn hàng” 2. Hệ thống hiển thị danh sách đơn hàng 3. Khách hàng nhập tên sản phẩm có trong đơn hàng 4. Khách hàng bấm chọn tìm kiếm 5. Hệ thống hiển thị đơn hàng có tên sản phẩm được nhập vào
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.12. Thêm sản phẩm vào giỏ hàng

Tên usecase	Thêm sản phẩm vào giỏ hàng
Actor	Khách hàng
Mục đích	Thêm sản phẩm vào giỏ hàng
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc
Mức	1
Điều kiện kích hoạt	Khách hàng chọn “ Thêm vào giỏ ”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đăng nhập vào website thành công với phân quyền của khách hàng
Điều kiện thành công	Thêm thành công sản phẩm vào giỏ hàng
Điều kiện thất bại	Không thêm được sản phẩm vào giỏ hàng
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng chọn sản phẩm muốn thêm vào giỏ hàng 2. Khách hàng chọn “Thêm vào giỏ” 3. Hệ thống xác nhận yêu cầu vào thêm sản vào

	bảng giỏ hàng 4. Hiển thị thông tin sản phẩm đã thêm vào trong giỏ hàng bao gồm: Tên sản phẩm, số lượng và giá thành
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.13. Xem thông tin cá nhân

Tên usecase	Xem thông tin cá nhân
Actor	Khách hàng
Mục đích	Xem thông tin cá nhân
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Mức	1
Điều kiện kích hoạt	Khách hàng chọn bấm chọn “ Tài khoản ”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đăng nhập vào website thành công với phân quyền của khách hàng
Điều kiện thành công	Hiển thị chi tiết tất cả thông tin của khách hàng
Điều kiện thất bại	Không hiển thị thông tin chi tiết của khách hàng
Luồng sự kiện chính	1. Khách hàng chọn bấm chọn “ Tài khoản ” 2. Hệ thống xác nhận yêu cầu và lấy thông tin tài khoản khách hàng trong bảng khách hàng 3. Hệ thống hiển thị các thông tin cơ bản của khách hàng bao gồm: Họ và tên, số tài khoản, ảnh đại diện, cấp bậc thành viên, đơn mua, trạng thái đơn hàng, số lượng sản phẩm đang quan tâm
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.14. Đặt hàng

Tên usecase	Đặt sản phẩm
Actor	Khách hàng
Mục đích	Đặt sản phẩm
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc
Mức	1
Điều kiện kích hoạt	Khách hàng chọn chức năng “ Đặt hàng ”
Điều kiện tiên quyết	Quản lý đăng nhập vào website thành công với phân quyền của khách hàng
Điều kiện thành công	Đơn hàng được đặt thành công
Điều kiện thất bại	Không đặt hàng thành công
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng chọn những sản phẩm muốn đặt 2. Khách hàng bấm chọn “Đặt hàng” 3. Hệ thống hiển thị giao diện đơn hàng bao gồm: Thông tin cơ bản của sản phẩm, thông tin cơ bản của khách hàng 4. Khách hàng hàng có thể thay đổi dữ liệu ở các mục: Mã giảm giá, địa chỉ, hình thức thanh toán (Nếu không thay đổi dữ liệu ở dạng mặc định) 5. Hệ thống xác nhận yêu cầu 6. Hệ thống hiển thị đặt hàng thành công 7. Khách hàng có thể chọn các chức năng trong trang: <ul style="list-style-type: none"> + Mã giảm giá (Luồng con A14.1) + Cập nhật địa chỉ (Luồng con A14.2) + Chọn hình thức thanh toán (Luồng con 14.3)
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.14.1.Chọn mã giảm giá(Luồng con A14.1)

Tên usecase	Chọn mã giảm giá
Actor	Khách hàng
Mục đích	Chọn mã giảm giá
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Mức	2
Điều kiện kích hoạt	Khách hàng chọn chức năng “ Mã giảm giá ”
Điều kiện tiên quyết	Khách hàng đang đặt hàng
Điều kiện thành công	Thêm mã giảm giá thành công
Điều kiện thất bại	Không thêm mã giảm giá vào đơn hàng
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none">1. Khách hàng bấm chọn “Mã giảm giá”2. Hệ thống xác nhận yêu cầu và lấy dữ liệu thông tin từ bảng mã giảm giá3. Hệ thống hiển thị danh sách mã giảm giá4. Người dùng chọn mã giảm giá muốn dùng5. Hệ thống kiểm tra mã giảm giá áp dụng được cho đơn hàng và giảm tiền theo mã
Luồng sự kiện ngoại lệ	5.1 Hệ thống hiển thị mã giảm giá đã hết thời hạn

4.14.2.Cập nhật địa chỉ(Luồng con A14.2)

Tên usecase	Cập nhật địa chỉ
-------------	------------------

Actor	Khách hàng
Mục đích	Cập nhật địa chỉ
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc
Mức	1
Điều kiện kích hoạt	Khách hàng chọn chức năng “ Cập nhật địa chỉ ”
Điều kiện tiên quyết	Khách hàng đang đặt hàng
Điều kiện thành công	Cập nhật địa chỉ thành công
Điều kiện thất bại	Không cập nhật địa chỉ được
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng bấm chọn “Cập nhật địa chỉ” 2. Hệ thống hiển thị form cập nhật địa chỉ 3. Khách hàng cập nhật lại địa chỉ 4. Khách hàng chọn “Lưu” để lưu lại địa chỉ đã cập nhật 5. Hệ thống xác nhận yêu cầu và kiểm tra thông tin 6. Hệ thống hiển thị địa chỉ sau khi khách hàng cập nhật lại
Luồng sự kiện ngoại lệ	<p>4.1 Khách hàng không chọn “Lưu” địa chỉ sẽ không được cập nhật lại và quay lại địa chỉ cố định mà khách hàng đã lưu</p> <p>5.1 Hệ thống kiểm tra người dùng nhập sai định dạng, Hệ thống hiển thị thông báo</p>

4.14.3. Chọn hình thức thanh toán(Luồng con A14.3)

Tên usecase	Chọn hình thức thanh toán
Actor	Khách hàng

Mục đích	Chọn hình thức thanh toán
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc
Mức	1
Điều kiện kích hoạt	Khách hàng chọn chức năng “ Hình thức thanh toán ”
Điều kiện tiên quyết	Khách hàng đang đặt hàng
Điều kiện thành công	Chọn hình thức thanh toán thành công
Điều kiện thất bại	Không có
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng bấm chọn “Hình thức thanh toán” 2. Hệ thống xác nhận yêu cầu và lấy thông tin từ bảng đơn hàng 3. Hệ thống hiển thị 2 kiểu thanh toán: thanh toán qua thẻ hoặc thanh toán trực tiếp 4. Khách hàng chọn lựa các hình thức thanh toán phù hợp <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Thanh toán qua thẻ: <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị giao diện thanh toán 2. Khách hàng chọn ngân hàng đã liên kết với hệ thống 3. Người dùng chọn chức năng “Thanh toán” 4. Hệ thống xác nhận yêu cầu và kiểm tra nguồn tài khoản 5. Hệ thống trừ tiền trong ngân hàng và hiển thị thanh toán thành công 4.2. Thanh toán trực tiếp: Hệ thống hiển thị hình thức thanh toán của đơn hàng là thanh toán trực tiếp
Luồng sự kiện ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> 4.1.a. Khách hàng không chọn hình thức thanh toán <ol style="list-style-type: none"> 4.1.a1 Hệ thống thông báo khách hàng chưa chọn hình thức thanh toán 4.1.4.a. Tài khoản chưa liên kết với hệ thống

	<p>4.1.4.a1. Hệ thống hiển thị form liên kết với ngân hàng</p> <p>4.1.4.a2. Khách hàng nhập thông tin tài khoản ngân hàng</p> <p>4.1.4.a3. Hệ thống hiển thị liên kết với ngân hàng thành công</p> <p>4.1.4. Tài khoản khách hàng không đủ tiền thanh toán</p> <p>4.1.4.a1: Hệ thống hiển thị thông báo tài khoản không đủ tiền yêu cầu chọn hình thức thanh toán khách</p>
--	---

4.15. Quản lý giỏ hàng

Tên usecase	Quản lý giỏ hàng
Actor	Khách hàng
Mục đích	Quản lý các thông tin của giỏ hàng
Mức độ ưu tiên	Bắt buộc phải có
Mức	1
Điều kiện kích hoạt	Khách hàng chọn chức năng “ Giỏ hàng ”
Điều kiện tiên quyết	Người dùng đăng nhập vào website thành công với phân quyền của khách hàng
Điều kiện thành công	Hiển thị danh sách đơn hàng đã được khách hàng thêm vào giỏ hàng
Điều kiện thất bại	Không hiển thị các danh sách đơn hàng được khách hàng thêm vào giỏ hàng

Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng nhấn chọn “Giỏ hàng” 2. Hệ thống xác nhận yêu cầu và lấy thông tin từ bảng giỏ hàng 3. Hệ thống hiển thị giao diện giỏ hàng với thông tin các sản phẩm đã thêm: Tên sản phẩm, số lượng, giá tiền 4. Khách hàng có thể chọn các chức năng trong trang như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Xóa sản phẩm(Luồng con A15.1) + Cập nhật số lượng sản phẩm(Luồng con A15.2)
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.15.1. Xóa sản phẩm(Luồng con A15.1)

Tên usecase	Xóa sản phẩm
Actor	Khách hàng
Mục đích	Xóa sản phẩm
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Mức	2
Điều kiện kích hoạt	Khách hàng chọn chức năng “ Xóa sản phẩm ”
Điều kiện tiên quyết	Người dùng đăng nhập vào website thành công với phân quyền của khách hàng
Điều kiện thành công	Xóa sản phẩm thành công
Điều kiện thất bại	Xóa sản phẩm thất bại
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng chọn sản phẩm muốn xóa 2. Hệ thống xác nhận yêu cầu và đưa ra thông báo có muốn xóa sản phẩm trong giỏ hàng

	<p>không</p> <p>3. Khách hàng chọn “OK” để xóa sản phẩm</p> <p>4. Hệ thống xác nhận yêu cầu và xóa thông tin sản phẩm trong bảng giỏ hàng</p> <p>5. Hệ thống thông báo xóa sản phẩm thành công</p>
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

4.15.2. Cập nhật số lượng sản phẩm(Luồng con A15.2)

Tên usecase	Cập nhật số lượng sản phẩm
Actor	Khách hàng
Mục đích	Cập nhật số lượng sản phẩm
Mức độ ưu tiên	Không bắt buộc
Mức	1
Điều kiện kích hoạt	Khách hàng chọn chức năng “ Giỏ hàng ”
Điều kiện tiên quyết	Người dùng truy cập vào giỏ hàng
Điều kiện thành công	Cập nhật số lượng sản phẩm thành công sau khi khách hàng thay đổi
Điều kiện thất bại	Cập nhật số lượng sản phẩm thất bại sau khi khách hàng thay đổi

Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng nhấn chọn “Giỏ hàng” 2. Hệ thống xác nhận yêu cầu và lấy thông tin từ bảng giỏ hàng 3. Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm 4. Khách hàng thay đổi số lượng của sản phẩm mong muốn 5. Hệ thống cập nhật lại số lượng sản phẩm
Luồng sự kiện ngoại lệ	Không có

V. XÁC ĐỊNH CÁC LỚP, XÂY DỰNG BIỂU ĐỒ LỚP

5.1. Xác định các lớp

– Sản phẩm

+ Thuộc tính

- MaSanPham: nvarchar(20)
- TenSanPham: nvarchar(200)
- SoLuong: int
- GiaNhap: money
- GiaBan: money
- NhaCungCap: nvarchar(200)
- KhoiLuong: nvarchar(200)
- MoTa: nvarchar(200)
- HinhAnh: varbinary

+ Phương thức

- SetSanPham(): void
- GetSanPham(): void
- DelSanPham(): void

– Khách hàng

+ Thuộc tính

- MaKhachHang: nvarchar(20)
- TenKhachHang: nvarchar(200)
- SoDienThoai: nvarchar(200)
- DiaChi: nvarchar(200)
- TrangThaiTaiKhoan: nvarchar(20)
- TaiKhoanNganHang: nvarchar(20)
- CMND-CCCD: nvarchar(20)
- AnhDaiDien: varbinary

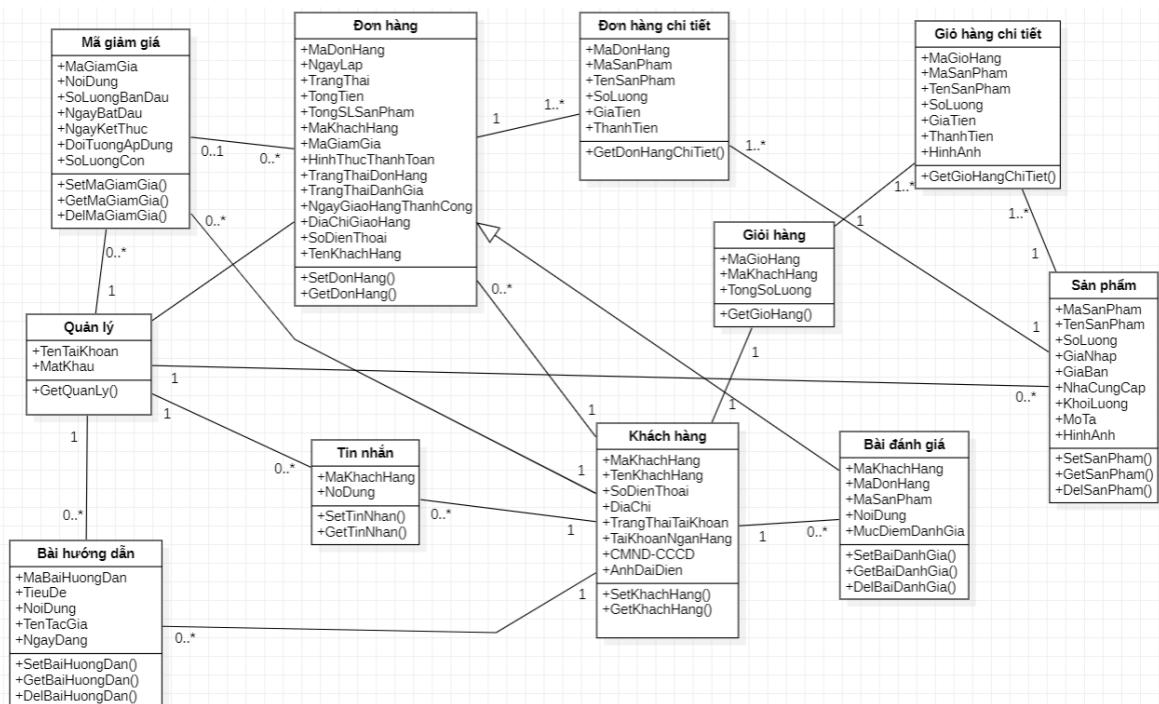
+ Phương thức

- SetKhachHang(): void
 - GetKhachHang(): void
- **Quản lý**
 - + Thuộc tính
 - TenTaiKhoan: nvarchar(20)
 - MatKhau: nvarchar(20)
 - + Phương thức
 - GetQuanLy(): void
- **Mã giảm giá**
 - + Thuộc tính
 - MaGiamGia: nvarchar(20)
 - NoiDung: nvarchar(200)
 - SoLuongBanDau: int
 - SoLuongCon: int
 - NgayBatDau: date
 - NgayKetThuc: date
 - DoiTuongApDung: nvarchar(20)
 - + Phương thức
 - SetMaGiamGia(): void
 - GetMaGiamGia(): void
 - DelMaGiamGia(): void
- **Bài hướng dẫn**
 - + Thuộc tính
 - MaBaiHuongDan: nvarchar(20)
 - Tieude: nvarchar(200)
 - NoiDung: nvarchar(200)
 - TenTacGia: nvarchar(20)
 - NgayDang: date
 - + Phương thức
 - SetBaiHuongDan(): void
 - GetBaiHuongDan(): void
 - DelBaiHuongDan(): void
- **Bài đánh giá**
 - + Thuộc tính
 - MaKhachHang: nvarchar(20)
 - MaDonHang: nvarchar(20)
 - MaSanPham: nvarchar(20)

- NoiDung: nvarchar(200)
 - MucDiemDanhGia: int
- + Phương thức
 - SetBaiDanhGia(): void
 - GetBaiDanhGia(): void
 - DelBaiDanhGia(): void
- **Đơn hàng**
 - + Thuộc tính
 - MaDonHang: nvarchar(20)
 - NgayLap: date
 - TrangThai: nvarchar(20)
 - TongTien: money
 - TongSLSanPham: int
 - MaKhachHang: nvarchar(20)
 - MaGiamGia: nvarchar(20)
 - HinhThucThanhToan: nvarchar(200)
 - TrangThaiDonHang: nvarchar(200)
 - TrangThaiDanhGia: nvarchar(200)
 - NgayGiaoHangThanhCong: date
 - DiaChiGiaoHang: nvarchar(200)
 - SoDienThoai: nvarchar(20)
 - TenKhachHang: nvarchar(200)
 - + Phương thức
 - SetDonHang(): void
 - GetDonHang(): void
- **Đơn hàng chi tiết**
 - + Thuộc tính
 - MaDonHang: nvarchar(20)
 - MaSanPham: nvarchar(20)
 - TenSanPham: nvarchar(200)
 - SoLuong: int
 - GiaTien: money
 - ThanhTien: money
 - + Phương thức
 - GetDonHangChiTiet(): void
- **Giỏ hàng**
 - + Thuộc tính
 - MaGioHang: nvarchar(20)

- MaKhachHang: nvarchar(20)
- TongSoLuong: int
- + Phương thức
 - GetGioHang(): void
- **Giỏ hàng chi tiết**
 - + Thuộc tính
 - MaGioHang: nvarchar(20)
 - MaSanPham: nvarchar(20)
 - TenSanPham: nvarchar(200)
 - SoLuong: int
 - GiaTien: money
 - ThanhTien: money
 - HinhAnh: varbinary
 - + Phương thức
 - GetGioHangChiTiet(): void
- **Tin nhắn**
 - + Thuộc tính
 - MaKhachHang: nvarchar(20)
 - NoiDung: nvarchar(200)
 - + Phương thức
 - GetTinNhan(): void
 - SetTinNhan(): void

5.2. Biểu đồ lớp



VI. CÁC YÊU CẦU BỔ SUNG

6.1. Danh sách các yêu cầu phi chức năng

FEAT26.1: Các tab riêng biệt sẽ có sẵn chức năng chính

SUPL 1: Các tab riêng biệt sẽ có sẵn cho chức năng chính

FEAT26.2: Trên mỗi trang, hệ thống sẽ hiển thị danh mục gợi ý cho khách hàng

SUPL 2: Trên mỗi trang, hệ thống sẽ hiển thị danh mục gợi ý cho khách hàng

SUPL 3: Hệ thống có giao diện phù hợp với mọi lứa tuổi

SUPL 4: Hệ thống sẽ hoạt động 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần.

SUPL 5: Thời gian trung bình giữa các lần hỏng hóc ít nhất là 20 giờ

SUPL 6: Hệ thống có thể không khả dụng quá một phút /24 giờ.

SUPL 7: Hệ thống sẽ luôn sẵn sàng 99,93% thời gian

SUPL 8: Hệ thống cho phép tối thiểu 1000 người truy cập trang web/30 phút

SUPL 9: Hệ thống không để lộ thông tin của khách hàng

SUPL 10: Hệ thống có thể lưu trữ 1000 dữ liệu của khách hàng

6.2. Bảng độ đo các yêu cầu phi chức năng(sp, tổ chức, bên ngoài)

STT	Yếu tố chất lượng	Tiêu chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đáp ứng
SUPL 1	Tính dễ dùng	Thời gian cần để học sử dụng phần mềm	Người dùng cần 2h để sử dụng được hệ thống
SUPL 2	Tính linh động	Thông tin truyền đạt trong mỗi trang	Hệ thống hiển thị thông tin về danh sách các sản phẩm
SUPL 3	Tính sẵn dùng	Dễ dàng giao tiếp với mọi lứa tuổi	Trẻ nhỏ và người lớn dễ dàng truy cập vào trang web
SUPL 4	Tính hiệu quả	Thời gian hoạt động của hệ thống	Hệ thống sẽ hoạt động 24h trong một ngày và 7 ngày trong một tuần.
SUPL 5	Tính hiệu quả	Thời gian giữa các	Thời gian trung

		lần hỏng hóc	biên giữa các lần hỏng hóc ít nhất 20h
SUPL 6	Tính khả dụng	Thời gian ngừng hoạt động	Thời gian không khả dụng không quá một phút/24 giờ
SUPL 7	Tính hiệu quả	Thời gian hoạt động của hệ thống	Hệ thống luôn sẵn sàng 99,93% thời gian trong 10 giờ
SUPL 8	Tính hiệu quả	Số người tối thiểu có thể truy cập trang web.	Hệ thống cho phép 1000 người truy cập trang web trong vòng 30 phút.
SUPL 9	Tính tin cậy	Thông tin cá nhân của khách hàng	Hệ thống không để lộ bất cứ thông tin của khách hàng 99,89% trong thời gian 1 giờ
SUPL 10	Tính hiệu quả	Lượng dữ liệu hệ thống có thể lưu về người dùng	Hệ thống lưu trữ được dữ liệu của 1000 khách hàng.

VII.TÀI LIỆU SRS

7.1. Giới thiệu:

7.1.1.Phạm vi (sản phẩm và lĩnh vực)

Tài liệu SRS nhằm mô tả chi tiết về các yêu cầu cho phần mềm cho website bán len 2002 Shop. Phần mềm hỗ trợ việc quản lý của hệ thống của trang website bán len 2002 Shop, hệ thống có thể thực hiện các chức năng như quản lý sản phẩm, thống kê doanh thu, nhắn tin, đăng bài hướng dẫn, quản lý khách hàng, quản lý đơn hàng, quản lý mã giảm giá, đăng ký, tìm kiếm sản phẩm, quản lý đơn hàng cá nhân, quản lý giỏ hàng.

7.1.2.Tổng quan về tài liệu

Tài liệu tham khảo là các nguồn cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc phát triển dự án. Tài liệu SRS này mô tả các yêu cầu chức năng và phi chức năng đi kèm sự giải thích. Đi

vào chi tiết các chức năng sẽ được mô tả trong phần 3. Một vài yêu cầu quan trọng như các chức năng sản phẩm, các tính ràng buộc, giả thiết và sự phụ thuộc, sẽ được nêu ra và đánh giá: khả năng sử dụng, tính tin cậy và vấn đề giấy phép bản quyền.

Với cấu trúc được chia làm ba phần:

- Phần 1: Cung cấp cái nhìn tổng quan về các thành phần của SRS
- Phần 2: Mô tả tổng quan các nhân tố, ràng buộc, đặc điểm người dùng, môi trường thực thi và tác động lên hệ thống và các yêu cầu của nó
- Phần 3: Cung cấp thông tin chi tiết các yêu cầu giao diện, yêu cầu chức năng, yêu cầu phi chức năng cung cấp cho các nhà phát triển phần mềm thông tin để phát triển phần mềm đáp ứng yêu cầu.

7.2. Mô tả chung:

7.2.1. Mô tả chung về giao diện

- Giao diện Người quản lý:
 - + Giao diện đăng nhập
 - + Giao diện trang chủ
 - + Giao diện quản lý sản phẩm
 - Giao diện xem sản phẩm
 - Giao diện cập nhật sản phẩm
 - + Giao diện xem thống kê doanh thu
 - + Giao diện nhắn tin
 - + Giao diện đăng bài hướng dẫn
 - + Giao diện quản lý khách hàng
 - Giao diện xem thông tin khách hàng
 - Giao diện cập nhật trạng thái khách hàng
 - + Giao diện quản lý đơn hàng
 - Giao diện xem thông tin đơn hàng
 - Giao diện cập nhật trạng thái đơn hàng
 - + Giao diện quản lý mã giảm giá
 - Giao diện cập nhật mã giảm giá
 - Giao diện xem mã giảm giá
- Giao diện khách hàng
 - + Giao diện đăng ký, đăng nhập
 - + Giao diện trang chủ
 - + Giao diện xem sản phẩm
 - + Giao diện tài khoản cá nhân
 - Giao diện quản lý đơn hàng cá nhân
 - Giao diện thông tin đơn hàng
 - Giao diện đánh giá sản phẩm

- Giao diện trả hàng hoàn tiền
- + Giao diện giỏ hàng
- + Giao diện thông tin cá nhân
- + Giao diện đặt hàng
 - Giao diện chọn hình thức thanh toán
- + Giao diện cập nhật địa chỉ
- + Giao diện nhắn tin

7.2.2.Các chức năng chính

Các chức năng chính trong hệ thống :

- + Chức năng đăng nhập: Cho phép người dùng đăng nhập tài khoản vào website
- + Chức năng đăng ký: Cho phép khách hàng mới đăng ký tài khoản trên website

Quản lý

1. Chức năng quản lý sản phẩm: Cung cấp các thông tin sản phẩm cho quản lý gồm : Mã sản phẩm, tên sản phẩm, số lượng, giá nhập, giá bán, nhà cung cấp, khối lượng, mô tả sản phẩm
 - 1.1 Chức năng thêm sản phẩm: Thêm thông tin sản phẩm vào hệ thống để dễ dàng kiểm soát số lượng sản phẩm
 - 1.2 Chức năng tìm kiếm sản phẩm: Tìm kiếm thông tin sản phẩm trong quản lý sản phẩm theo tên sản của sản phẩm
 - 1.3 Chức năng cập nhật sản phẩm: Cập nhật lại giá nhập, giá bán, nhà cung cấp, số lượng, mô tả của sản phẩm khi cần thiết
 - 1.4 Chức năng xóa sản phẩm: Quản lý xóa sản phẩm ra khỏi danh sách sản phẩm
2. Chức năng quản lý đơn hàng: Cung cấp các thông tin đơn hàng cho quản lý gồm: mã đơn hàng, trạng thái, mã khách hàng, tên khách hàng, số điện thoại, ngày giao hàng thành công, địa chỉ giao hàng, tổng tiền
 - 2.1 Chức năng tìm kiếm đơn hàng: Tìm kiếm thông tin của đơn hàng cần tìm. Có thể tìm kiếm theo: mã đơn hàng, mã khách hàng, tên khách hàng, số điện thoại

2.2 Chức năng xem thông tin chi tiết đơn hàng: Hiển thị tất cả các thông tin của đơn hàng

2.3 Chức năng cập nhật trạng thái đơn hàng: Quản lý xác nhận trạng thái cho đơn hàng

2.3.1 Chức năng duyệt đơn trả hàng: Quản lý duyệt, xác nhận đơn trả hàng cho khách hàng khi khách hàng có yêu cầu trả lại hoặc hủy đơn hàng

2.3.2 Chức năng duyệt đơn hàng đặt mua: Quản lý duyệt, xác nhận đơn hàng mà khách hàng đặt mua trên website

3. Chức năng quản lý khách hàng: Cung cấp thông tin khách hàng đã đăng ký tài khoản tại website gồm: mã khách hàng, tên khách hàng, số điện thoại

3.1 Xem thông tin chi tiết khách hàng: Hiển thị tất cả các thông tin của khách hàng gồm mã khách hàng, tên khách hàng, số điện thoại, CMND-CCCD, ảnh đại diện

3.2 Cập nhật trạng thái khách hàng: Cập nhật trạng thái mua hàng của khách hàng gồm thành viên vàng, thành viên bạc, thành viên kim cương và chặn khách hàng

3.3 Tìm kiếm khách hàng: Tìm kiếm thông tin của khách hàng trong quản lý khách hàng theo tên khách hàng, số điện thoại, trạng thái khách hàng

4. Chức năng thống kê doanh thu: Thống kê tổng tiền thu được và các đơn hàng trong khoảng thời gian mong muốn

5. Chức năng quản lý mã giảm giá: Cung cấp thông tin các mã giảm giá shop đăng lên website. Các thông tin của mã giảm giá gồm: mã giảm giá, nội dung, số lượng, ngày bắt đầu, ngày kết thúc, đối tượng áp dụng

5.1 Thêm mã giảm giá: Thêm thông tin các mã giảm giá vào trong hệ thống

5.2 Cập nhật mã giảm giá: Cập nhật, sửa lại thông tin mã giảm giá, khi cần thiết

5.3 Xóa mã giảm giá: Xóa mã giảm giá ra khỏi danh sách các mã giảm giá khi cần

6. Chức năng đăng bài hướng dẫn: Đăng thông tin hướng dẫn như viết bài, video làm các sản phẩm từ len

7. Chức năng nhắn tin với khách hàng: Nhắn tin trả lời giải đáp thắc mắc của khách hàng, gửi thông tin shop như mã giảm giá, thiệp chúc mừng các dịp lễ cho khách hàng

Khách hàng

1. Chức năng tìm kiếm sản phẩm: Khách hàng tìm kiếm thông tin sản phẩm cần xem thông tin bằng cách nhập tên sản phẩm cần tìm
2. Chức năng xem sản phẩm: Khách hàng xem các thông tin của sản phẩm trên website gồm: tên sản phẩm, hình ảnh, số lượng còn lại trong kho, công dụng của sản phẩm
3. Chức năng xem thông tin cá nhân: Khách hàng xem thông tin cá nhân khi đăng ký tài khoản tại website gồm: họ tên, số tài khoản, ảnh đại diện, đơn mua, trạng thái đơn hàng, số lượng sản phẩm đang quan tâm
4. Chức năng đặt hàng: Khách hàng đặt mua sản phẩm trên website của cửa hàng

4.1 Cập nhật địa chỉ: Khách hàng chọn, cập nhật địa chỉ giao hàng khi đặt hàng

4.2 Chọn hình thức thanh toán: Khách hàng chọn hình thức thanh toán là thanh toán trực tiếp hoặc thanh toán qua thẻ ngân hàng

4.3 Khách hàng chọn mã giảm giá: Khách hàng chọn các mã giảm giá khi mua sản phẩm mà cửa hàng đăng lên

5. Đăng bài hướng dẫn: Khách hàng đăng bài viết hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm làm các sản phẩm với len
6. Nhắn tin: Khách hàng nhắn tin hỏi đáp thắc mắc khi cần
7. Chức năng quản lý đơn hàng cá nhân: Khách hàng quản lý theo dõi đơn hàng khi đã đặt

7.1 Tìm kiếm đơn hàng: Tìm kiếm đơn hàng khi cần thiết bằng cách nhập tên sản phẩm có trong đơn hàng

7.2 Xem thông tin chi tiết: Xem tất cả các thông tin của đơn hàng gồm: mã sản phẩm, mã đơn hàng, trạng thái, tổng tiền, tổng số lượng sản phẩm, mã giảm giá, hình thức thanh toán, đánh giá, ngày giao hàng thành công, địa chỉ giao hàng, sdt, tên khách hàng đặt mua

7.2.1 Hủy đơn hàng: Khách hàng hủy đơn hàng khi không có nhu cầu đặt mua sản phẩm

7.2.2 Đánh giá sản phẩm: Khi nhận hàng thành công, khách hàng có thể đánh giá về sản phẩm đó và đăng lên trang website của shop

7.2.3 Yêu cầu trả hàng: Khi nhận hàng khách hàng không hài lòng với sản phẩm khách hàng có thể yêu cầu trả hàng với điều kiện khách hàng mới nhận hàng và sản phẩm hỏng do lỗi bên shop hoặc trong quá trình vận chuyển

8. Chức năng thêm sản phẩm vào giỏ hàng: Khách hàng thêm sản phẩm cần mua vào giỏ hàng
9. Chức năng quản lý giỏ hàng: Khách hàng quản lý sản phẩm, số lượng sản phẩm, trong giỏ hàng

9.1 Xóa sản phẩm: Khách hàng xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng

9.2 Cập nhật số lượng sản phẩm: Khách hàng cập nhật số lượng của sản phẩm trong giỏ hàng

7.3. Các yêu cầu cụ thể:

7.3.1. Các yêu cầu về giao diện

7.3.1.1. Đăng ký



Số điện thoại	<input type="text"/>
Mật khẩu	<input type="password"/>
<input type="button" value="Đăng ký"/>	Bạn đã có tài khoản? Đăng Nhập

7.3.1.2. Giao diện trang chủ (khách hàng)

Trang chủ	Tìm kiếm sản phẩm	Giỏ hàng	Tài khoản
-----------	-------------------	----------	-----------

Hình ảnh sản phẩm	Hình ảnh sản phẩm	Hình ảnh sản phẩm
Tên sản phẩm	Tên sản phẩm	Tên sản phẩm
Hình ảnh sản phẩm	Hình ảnh sản phẩm	Hình ảnh sản phẩm

7.3.1.3. Giao diện xem thông tin chi tiết sản phẩm

Trang chủ	Tìm kiếm sản phẩm	Giỏ hàng	Tài khoản
-----------	-------------------	----------	-----------

Hình ảnh sản phẩm	Tên sản phẩm
	Giá tiền
	Chọn màu sắc, kích cỡ sản phẩm (nếu có nhiều phân loại khác nhau)
	Nút thêm vào giỏ hàng
Những đánh giá của khách hàng	Mô tả sản phẩm: Khối lượng Số sản phẩm còn lại trong kho Công dụng của sản phẩm

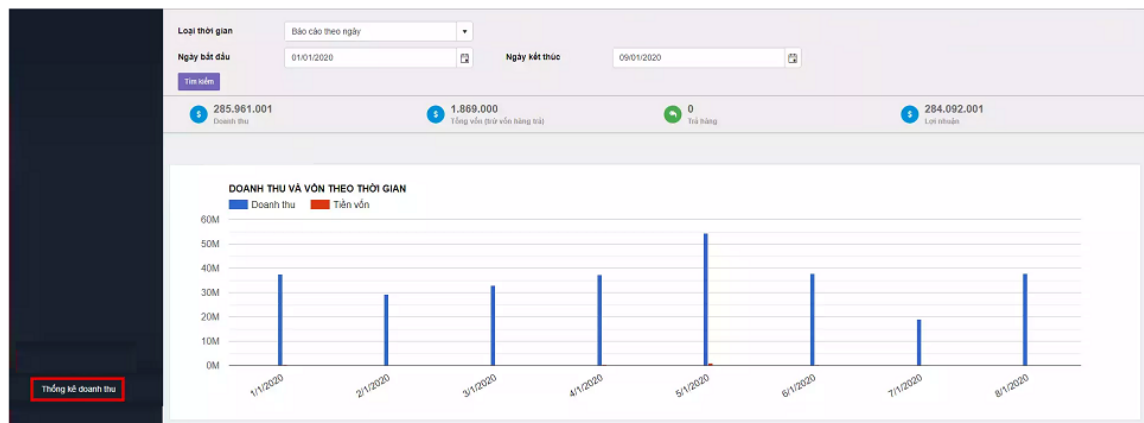
7.3.1.4. Giao diện quản lý sản phẩm (Quản lý)

Sản phẩm	Ảnh sản phẩm	Tên sản phẩm							
		Số lượng							
		Giá nhập							
		Giá bán							
		Nhà cung cấp							
		Nút thêm							
		Khối lượng							
	Mô tả								
Mã SP	Tên SP	Số lượng	Giá nhập	Giá bán	NCC	Mô tả	Khối lượng		
Thông tin SP1	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Nút Sửa	Nút Xóa
Thông tin SP2	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Nút Sửa	Nút Xóa

7.3.1.5. Giao diện quản lý mã giảm giá (Quản lý)

Mã giảm giá	Mã giảm giá							
	Nội dung							
	Số lượng bắt đầu							
	Ngày bắt đầu							
	Ngày kết thúc							
	Đối tượng áp dụng							
	Nút thêm							
Mã giảm giá	Nội dung	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Đối tượng áp dụng	Số lượng ban đầu	Số lượng còn		
Thông tin	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Nút sửa	Nút Xóa
Thông tin	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Thông tin	Nút sửa	Nút Xóa

7.3.1.6. Giao diện thống kê doanh thu



7.3.1.7. Giao diện quản lý đơn hàng

danh sách đơn hàng

Tên người dùng

Danh sách đơn hàng Trạng thái đơn hàng

Đơn đặt mua
Đơn trả hàng

Tìm kiếm

STT	Mã đơn hàng	Mã sản phẩm	Số lượng	Tổng tiền	Trạng thái	Chức năng
1	1	1002	2	150000	Yêu cầu trả hàng	👁
2	2	1004	1	100000	Chờ xác nhận	👁

Trang chủ
Sản phẩm
Khách hàng
Đơn hàng
Mã giảm giá

7.3.1.8. Giao diện xem chi tiết đơn hàng

Đơn hàng

Mã đơn hàng

Mã khách hàng

Mã sản phẩm

Tên sản phẩm

Số lượng

Thành tiền

Giá tiền

Trạng thái

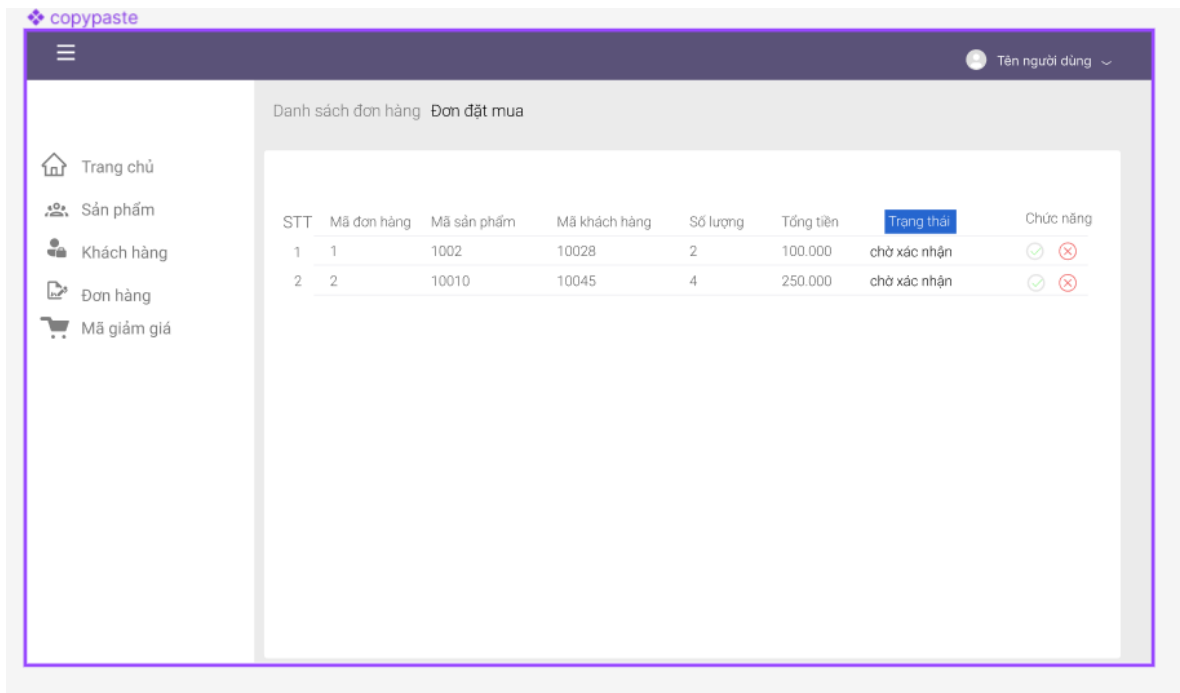
Thêm

7.3.1.9. Giao diện duyệt đơn trả hàng

Danh sách đơn hàng Đơn trả hàng

STT	Mã đơn hàng	Mã sản phẩm	Mã khách hàng	Số lượng	Tổng tiền	Trạng thái	Chức năng
1	1	1002	10028	2	100.000	Yêu cầu trả hàng	✓ ✗
2	2	10010	10045	4	250.000	Yêu cầu trả hàng	✓ ✗

7.3.1.10 Giao diện xác nhận đơn hàng đặt mua



7.3.1.11. Giao diện đặt hàng

Giao diện đặt hàng gồm có các ô sau:

- + Hình thức thanh toán: Cho phép khách hàng chọn phương thức thanh toán phù hợp, bao gồm thanh toán bằng thẻ và thanh toán trực tiếp
- + Mã giảm giá: Khách hàng có thể nhập mã giảm giá
- + Địa chỉ giao hàng: Khách hàng nhập thông tin địa chỉ giao hàng
- + Thông tin sản phẩm: Hiển thị chi tiết thông tin về sản phẩm bao gồm: Tên sản phẩm, số lượng, giá thành, tổng số tiền
- + Thông tin cá nhân: Hiển thị thông tin cá nhân khách hàng bao gồm: Tên khách hàng, số điện thoại địa chỉ


7.3.1.12. Giao diện giỏ hàng

- Các ô hiển thị danh sách sản phẩm trong giỏ hàng: Hiển thị danh sách sản phẩm đã được thêm vào giỏ hàng bao gồm: Tên sản phẩm, số lượng, giá thành và tổng tiền
- Ô điều chỉnh số lượng sản phẩm: Cho phép khách hàng điều chỉnh số lượng sản phẩm, bao gồm tăng hoặc giảm số lượng sản phẩm
- Ô xóa sản phẩm: Cho phép khách hàng xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng
- Ô tổng tiền: Tính tổng giá trị sản phẩm có trong giỏ hàng
- Ô thêm mã giảm giá: Khách hàng có thể chọn mã giảm giá, tổng tiền sẽ giảm giá theo mã

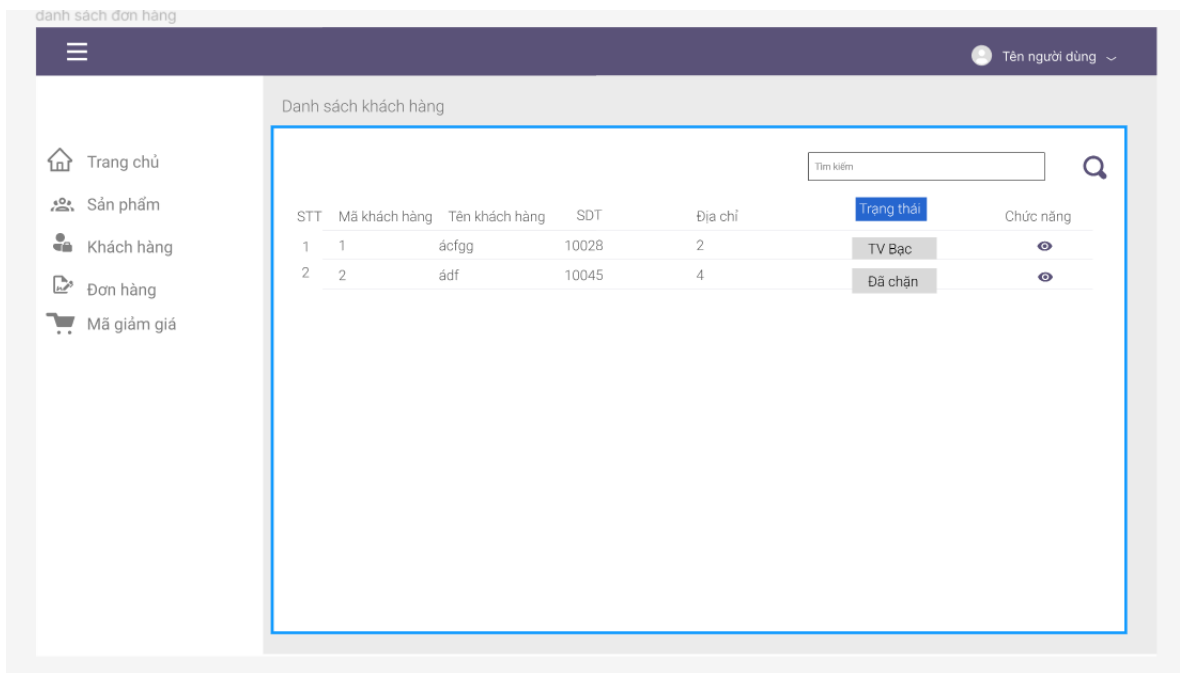
7.3.1.3. Giao diện đơn hàng cá nhân

- Thông tin cá nhân: Tên đăng nhập, địa chỉ giao hàng, số điện thoại
- Chi tiết đơn hàng: Tên sản phẩm, số lượng, giá thành, tổng số tiền thanh toán
- Trạng thái đơn hàng: Thông tin về trạng thái đơn hàng (Đã xác nhận, đang vận chuyển, giao hàng thành công, đã hủy)
- Lịch sử đơn hàng: Danh sách đơn hàng đã đặt trong quá khứ, chi tiết về sản phẩm, số lượng, giá thành
- Thanh toán: Hiện thị các thông tin liên quan tới thanh toán như phương thức thanh toán và số tiền đã thanh toán

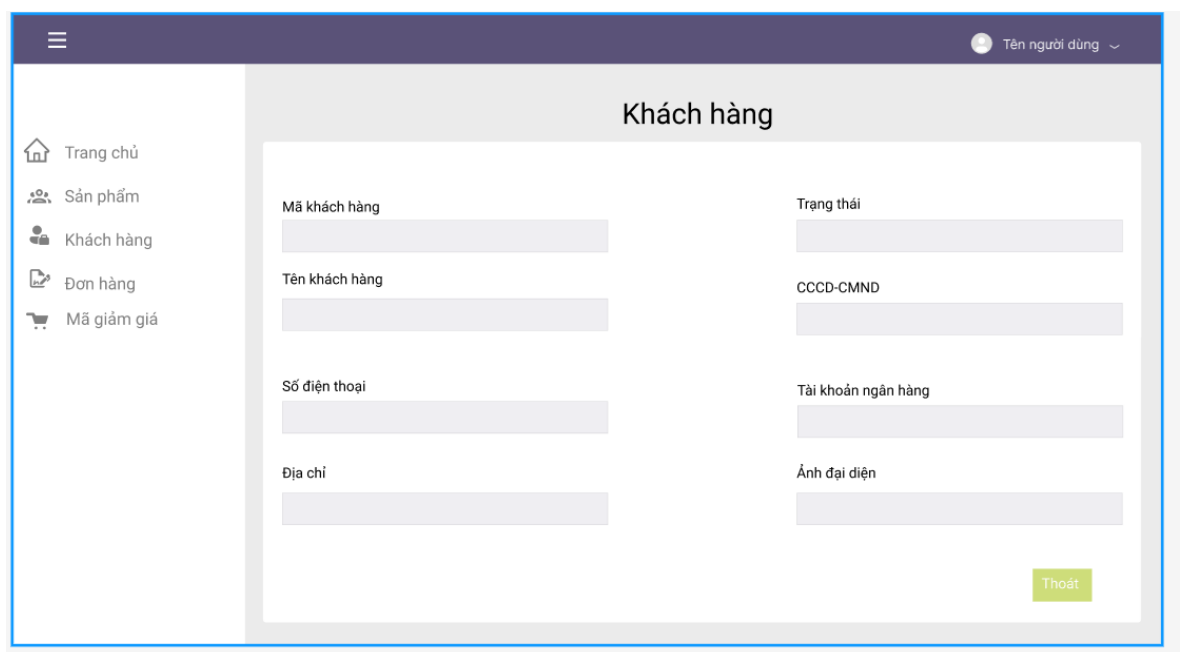
7.3.1.14. Thông tin cá nhân

Tên đăng nhập của khách hàng	<div><h4>Hồ Sơ Của Tôi</h4><p>Quản lý thông tin hồ sơ để bảo mật tài khoản</p><div><input type="text" value="Tên đăng nhập"/> <input type="text" value="Tên"/> <input type="text" value="Email"/> <input type="text" value="Số điện thoại"/></div><div>Thay Đổi Thay Đổi</div><div><p>Giới tính <input type="radio"/> Nam <input type="radio"/> Nữ <input type="radio"/> Khác</p><p>Ngày sinh <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="Tháng 1"/> <input type="text" value="1990"/></p><p><input type="button" value="Lưu"/></p></div><div> <input type="button" value="Chọn Ảnh"/> <p>Dung lượng file tối đa 1 MB Định dạng: .JPEG, .PNG</p></div></div>
------------------------------	--

7.3.1.15 Quản lý khách hàng



3.1.15 Xem thông tin chi tiết khách hàng



7.3.2. Các yêu cầu chức năng

7.3.2.1. Quản lý sản phẩm

Mô tả: Chức năng hiển thị các thông tin các sản phẩm hiện đang bán: mã sản phẩm, tên sản phẩm, số lượng còn, giá nhập, giá bán, nhà cung cấp, khối lượng, mô tả

Những thông tin đó bao gồm:

- + Tìm kiếm sản phẩm
- + Thêm sản phẩm

- + Cập nhật thông tin sản phẩm
- + Xóa sản phẩm

7.3.2.1.1. Tìm kiếm sản phẩm

Mô tả: Chức năng cho phép quản lý tìm kiếm sản phẩm theo thông tin sản phẩm. Quản lý có thể tìm kiếm theo: mã sản phẩm, tên sản phẩm, số lượng còn. Khi quản lý nhập thông tin vào và nhấn tìm kiếm, hệ thống sẽ lấy dữ liệu thông tin trùng khớp thông tin đã nhập và đưa ra màn hình danh sách đơn hàng đó

Thông tin đầu vào: Quản lý cung cấp thông tin về sản phẩm: mã sản phẩm, tên sản phẩm, số lượng còn

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống kiểm tra dữ liệu được cung cấp từ quản lý và hiển thị thông tin các sản phẩm có dữ liệu trùng khớp với thông tin tìm kiếm

7.3.2.1.2. Thêm sản phẩm

Mô tả: Chức năng cho phép quản lý thêm mới sản phẩm

Thông tin đầu vào: Quản lý cung cấp thông tin về sản phẩm: tên sản phẩm, số lượng còn, giá nhập, giá bán, khối lượng, nhà cung, hình ảnh

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống kiểm tra dữ liệu được cung cấp bởi quản lý, tạo mã sản phẩm tương ứng, lưu thông tin sản phẩm vào csdl và hiển thị lại trong danh sách các sản phẩm

7.3.2.1.3. Cập nhật thông tin sản phẩm

Mô tả: Chức năng cho phép quản lý cập nhật thông tin

Thông tin đầu vào: Quản lý cung cấp thông tin cần cập nhật về sản phẩm: tên sản phẩm, số lượng còn, giá nhập, giá bán, khối lượng, nhà cung

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống kiểm tra dữ liệu được cung cấp bởi quản lý, lưu thông tin sản phẩm sau khi bị thay đổi vào csdl và hiển thị lại trong danh sách các sản phẩm

7.3.2.1.4. Xóa sản phẩm

Mô tả: Chức năng xóa sản phẩm ra khỏi danh sách sản phẩm

Thông tin đầu vào: Quản lý cung cấp thông tin của sản phẩm cần xóa: mã sản phẩm, tên sản phẩm

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống kiểm tra dữ liệu và xóa sản phẩm ra khỏi csdl rồi hiển thị lại danh sách các sản phẩm

7.3.2.2. Quản lý đơn hàng

Mô tả : Cung cấp các thông tin đơn hàng cho quản lý gồm: mã đơn hàng, trạng thái, mã khách hàng, tên khách hàng, số điện thoại, ngày giao hàng thành công, địa chỉ giao hàng, tổng tiền

Những thông tin đó bao gồm:

- + Tìm kiếm đơn hàng
- + Xem thông tin chi tiết
- + Cập nhật trạng thái đơn hàng

7.3.2.2.1. Tìm kiếm đơn hàng

Mô tả: Chức năng này sẽ tìm kiếm các thông tin của đơn hàng. Quản lý có thể tìm kiếm theo: mã đơn hàng, mã khách hàng, tên khách hàng, số điện thoại. Khi quản lý nhập thông tin vào và nhấn tìm kiếm, hệ thống sẽ lấy dữ liệu thông tin trùng khớp thông tin đã nhập và đưa ra màn hình danh sách đơn hàng đó

Thông tin đầu vào: Người quản lý sẽ cung cấp thông tin tìm kiếm, chẳng hạn: mã đơn hàng, mã khách hàng, tên khách hàng, số điện thoại

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống kiểm tra dữ liệu được cung cấp từ quản lý và hiển thị thông tin các đơn hàng có dữ liệu trùng khớp với thông tin tìm kiếm

7.3.2.2.2. Xem thông tin chi tiết đơn hàng

Mô tả: Chức năng này sẽ hiển thị tất cả các thông tin liên quan đến đơn hàng: như mã đơn hàng, mã khách hàng, họ tên khách hàng, số điện thoại khách hàng, tổng tiền,...

Thông tin đầu vào: Quản lý cung cấp thông tin đơn hàng cần xem chi tiết

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống xác nhận yêu cầu và lấy dữ liệu trong bảng đơn hàng, tiếp đó hệ thống sẽ hiển thị thông tin chi tiết của đơn hàng ra màn hình

7.3.2.2.3. Cập nhật trạng thái đơn hàng

Mô tả: Quản lý xác nhận trạng thái xác nhận của đơn hàng khi khách hàng đặt mua hoặc có nhu cầu trả hàng

Những thông tin đó gồm:

- + Duyệt đơn trả hàng
- + Duyệt đơn đặt mua

7.3.2.2.3.1. Duyệt đơn hàng trả hàng

Mô tả: Xác nhận các đơn trả hàng của khách hàng khi khách hàng yêu cầu . Trong trường hợp khách hàng đã nhận hàng thành công 1-2 ngày hoặc do bên người dùng làm hỏng sản phẩm thì không xác nhận trả hàng mà sẽ liên hệ lại với khách hàng bằng cách nhắn tin hoặc gọi điện cho khách hàng để giải quyết

Thông tin đầu vào: Quản lý cung cấp thông tin đơn hàng cần xác nhận hoặc không xác nhận đơn trả hàng

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống xác nhận yêu cầu và lưu trạng thái vào trong dữ liệu bảng đơn hàng, tiếp đó hệ thống đưa ra màn hình thông báo xác nhận đơn hàng thành công

7.3.2.2.3.2. Duyệt đơn hàng đặt mua

Mô tả: Xác nhận các đơn đặt mua của khách hàng khi khách hàng đặt mua trên website. Trong trường hợp hết hàng, quản lý liên hệ lại với khách hàng thông báo hết hàng để đổi sản phẩm cho khách hoặc hủy đơn đặt mua

Thông tin đầu vào: Quản lý cung cấp thông tin đơn hàng cần xác nhận đặt mua hàng trên hệ thống

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống xác nhận yêu cầu và lưu trạng thái đơn hàng đặt mua vào dữ liệu bảng đơn hàng, tiếp đó hệ thống đưa ra màn hình thông báo xác nhận đơn hàng thành công

7.3.2.3. Quản lý khách hàng

Mô tả: Cung cấp các thông tin của khách hàng cho quản lý gồm: mã khách hàng, tên khách hàng, số điện thoại của khách hàng

Những thông tin đó bao gồm:

- + Xem thông tin chi tiết khách hàng
- + Tìm kiếm khách hàng
- + Cập nhật trạng thái khách hàng

7.2.2.3.1. Xem thông tin chi tiết khách hàng

Mô tả: Chức năng này sẽ hiển thị tất cả các thông tin liên quan đến khách hàng bao gồm: mã khách hàng, tên khách hàng, trạng thái, số điện thoại, địa chỉ, tài khoản ngân hàng, CCCD-CMND, ảnh đại diện

Thông tin đầu vào: Quản lý cung cấp khách hàng cần xem chi tiết thông tin

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống xác nhận yêu cầu và lấy dữ liệu trong bảng khách hàng, tiếp đó hệ thống sẽ hiển thị thông tin chi tiết của khách hàng ra màn hình

7.2.2.3.2. Tìm kiếm khách hàng

Mô tả: Chức năng này sẽ tìm kiếm các thông tin của khách hàng. Quản lý có thể tìm kiếm theo: mã đơn hàng, mã khách hàng, tên khách hàng, số điện thoại. Khi khách hàng nhập thông tin vào và nhấn tìm kiếm, hệ thống sẽ lấy dữ liệu thông tin trùng khớp thông tin đã nhập và đưa ra màn hình danh sách khách hàng đó

Thông tin đầu vào: Người quản lý sẽ cung cấp thông tin tìm kiếm, chẳng hạn: mã khách hàng, tên khách hàng, số điện thoại, trạng thái

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống kiểm tra dữ liệu được cung cấp từ quản lý và hiển thị thông tin các khách hàng có dữ liệu trùng khớp với thông tin tìm kiếm

7.2.2.3.3. Cập nhật trạng thái khách hàng

Mô tả: Quản lý cập nhật trạng thái cho khách hàng khi mua hàng. Quản lý có thể chọn: thành viên đồng, thành viên bạc, thành viên vàng, thành viên kim cương. Trong trường hợp khách hàng hủy nhiều đơn hàng, quản lý có thể chặn khách hàng để khách hàng không thể đặt hàng tiếp

Thông tin đầu vào: Quản lý cung cấp thông tin khách hàng cần cập nhật trạng thái

Hoạt động hệ thống: Hệ thống xác nhận yêu cầu và cập nhật lại trạng thái của khách hàng lại trong bảng khách hàng

7.3.2.4. Thống kê doanh thu

Mô tả: Chức năng thống kê doanh thu của cửa hàng theo ngày, tháng, năm. Chức năng sẽ hiển thị tổng thu nhập của cửa hàng, số đơn hàng bị hoàn trả, tiền vốn, tiền lãi theo dạng trong ngày, tháng, năm hoặc theo khoảng thời gian được nhập vào

Thông tin đầu vào: Thông tin chi tiết về các đơn hàng. Doanh thu của cửa hàng được tính tổng theo ngày, tháng, năm

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống hiển thị theo dạng yêu cầu của quản lý lựa chọn:

- + Hệ thống hiển thị tổng thu nhập của cửa hàng, số đơn hàng bị hoàn trả, tiền vốn, tiền lãi thu được theo ngày
- + Hệ thống hiển thị tổng thu nhập của cửa hàng, số đơn hàng bị hoàn trả, tiền vốn, tiền lãi được theo tháng
- + Hệ thống hiển thị tổng thu nhập của cửa hàng, số đơn hàng bị hoàn trả, tiền vốn, tiền lãi được theo năm

- + Hệ thống hiển thị tổng thu nhập của cửa hàng, số đơn hàng bị hoàn trả, tiền vốn, tiền lãi được theo khoảng thời gian quản lý nhập vào

7.3.2.5. Quản lý mã giảm giá

Mô tả: Chức năng hiển thị các thông tin các mã giảm giá: mã giảm giá, nội dung, số lượng ban đầu, số lượng còn, ngày bắt đầu, ngày kết thúc, đối tượng áp dụng

Những thông tin đó bao gồm:

- + Thêm mã giảm giá
- + Cập nhật thông tin mã giảm giá
- + Xóa mã giảm giá

7.3.2.5.1. Thêm mã giảm giá

Mô tả: Chức năng cho phép quản lý thêm mới mã giảm giá

Thông tin đầu vào: Quản lý cung cấp thông tin về mã giảm giá: mã giảm giá, nội dung, số lượng ban đầu, ngày bắt đầu, ngày kết thúc, đối tượng áp dụng

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống kiểm tra dữ liệu được cung cấp bởi quản lý, lưu thông tin mã giảm giá vào csdl và hiển thị lại trong danh sách các mã giảm giá

7.3.2.5.2. Cập nhật thông tin mã giảm giá

Mô tả: Chức năng cho phép quản lý cập nhật thông tin mã giảm giá

Thông tin đầu vào: Quản lý cung cấp thông tin cần cập nhật về mã giảm giá: nội dung, số lượng ban đầu, số lượng còn, ngày bắt đầu, ngày kết thúc, đối tượng áp dụng

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống kiểm tra dữ liệu được cung cấp bởi quản lý, lưu thông tin mã giảm giá sau khi bị thay đổi vào csdl và hiển thị lại trong danh sách các mã giảm giá

7.3.2.5.3. Xóa mã giảm giá

Mô tả: Chức năng xóa mã giảm giá ra khỏi danh sách mã giảm giá

Thông tin đầu vào: Quản lý cung cấp thông tin của mã giảm giá cần xóa: mã sản phẩm

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống kiểm tra dữ liệu và xóa mã giảm giá ra khỏi csdl rồi hiển thị lại danh sách các mã giảm giá

7.3.2.6. Đăng bài hướng dẫn

Mô tả: Chức năng để quản lý hoặc khách hàng có thể đăng bài lên trang web. Quản lý hoặc khách hàng có thể điền dữ liệu vào bài hướng dẫn và đăng lên.

Thông tin đầu vào: Quản lý hoặc khách hàng cung cấp thông tin về bài hướng dẫn: Tiêu đề, tác giả, nội dung

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống kiểm tra thông tin và tạo ra bài hướng dẫn và hiển thị lên trang web

7.3.2.7. Nhắn tin

Mô tả: Chức năng để quản lý và khách hàng trao đổi thông tin với nhau.

Thông tin đầu vào: Quản lý hoặc khách hàng cung cấp tin nhắn và người nhận

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống kiểm tra tin nhắn và thông tin người gửi và nhận rồi gửi tin nhắn cho người nhận

7.3.2.8. Tìm kiếm sản phẩm

Mô tả: Chức năng này sẽ tìm kiếm sản phẩm. Khách hàng có thể tìm kiếm theo tên sản phẩm. Khi khách hàng nhập thông tin và nhấn tìm kiếm, hệ thống sẽ lấy dữ liệu thông tin trùng khớp thông tin đã nhập và đưa ra màn hình danh sách đơn hàng đó.

Thông tin đầu vào: khách hàng nhập tên sản phẩm.

Hoạt động của hệ thống: hệ thống kiểm tra dữ liệu được cung cấp từ khách hàng và hiển thị thông tin các sản phẩm có dữ liệu trùng khớp với thông tin tìm kiếm.

7.3.2.9. Xem sản phẩm

Mô tả: Chức năng này sẽ hiển thị thông tin chi tiết của sản phẩm. Khi khách hàng bấm vào sản phẩm muốn xem, hệ thống sẽ hiển thị thông tin của sản phẩm, bao gồm: tên sản phẩm, hình ảnh, khối lượng, đơn giá, số lượng còn lại trong kho, công dụng của sản phẩm, đánh giá của khách đã mua hàng.

Thông tin đầu vào: sản phẩm được người dùng chọn vào.

Hoạt động của hệ thống: hệ thống kiểm tra dữ liệu mà khách hàng chọn và hiển thị thông tin của sản phẩm.

7.3.2.10. Xem thông tin cá nhân

Mô tả: Khách hàng xem thông tin cá nhân khi đăng ký tài khoản tại website gồm: họ tên, số tài khoản, ảnh đại diện, đơn mua, trạng thái đơn hàng, số lượng sản phẩm đang quan tâm

Thông tin đầu vào: Khách hàng chọn xem tài khoản

Hoạt động hệ thống: Hệ thống lấy dữ liệu từ cơ sở dữ liệu. Hiển thị thông tin khách hàng bao gồm: Họ tên, số tài khoản, ảnh đại diện, đơn mua, trạng thái đơn hàng, số lượng sản phẩm đang quan tâm và hiển thị thông tin ra màn hình.

7.3.2.11. Đặt hàng

Mô tả: Chức năng này sẽ cung cấp cho khách hàng có thể đặt mua sản của cửa hàng trên hệ thống

Những thông tin bao gồm:

- + Chọn mã giảm giá
- + Cập nhật địa chỉ
- + Chọn hình thức thanh toán

7.3.2.11.1. Chọn mã giảm giá

Mô tả: Hệ thống cung cấp cho khách hàng các mã giảm giá, khi khách hàng mua sản phẩm trên 50 nghìn VND sẽ được cung cấp các mã giảm giá

Thông tin đầu vào: Khách hàng chọn mã giảm giá phù hợp với sản phẩm

Hoạt động hệ thống: Hệ thống xác nhận yêu cầu và lấy thông tin từ bảng mã giảm giá. Hiển thị danh sách mã giảm giá. Hệ thống kiểm tra mã giảm giá áp dụng được cho đơn hàng và giảm tiền theo mã

7.3.3.11.2. Cập nhật địa chỉ

Mô tả: Khách hàng chọn, cập nhật địa chỉ giao hàng khi đặt hàng. Khách hàng thay đổi thay đổi địa chỉ giao hàng khác với địa chỉ khách hàng đã lưu thông tin địa chỉ cố định

Thông tin đầu vào: Khách hàng nhập thông tin địa chỉ bao gồm: Số nhà, phố, phường, quận/huyện, tỉnh hoặc thành phố

Hoạt động hệ thống: Hệ thống hiển thị thanh nhập địa chỉ. Hệ thống cập nhật địa chỉ giao hàng

7.3.3.11.3 Chọn hình thức thanh toán

Mô tả: Hệ thống cung cấp cho người dùng hai hình thức thanh toán khi thanh toán sản phẩm khi mua hàng là: Thanh toán bằng thẻ và thanh toán trực tiếp

Thông tin đầu vào: Khách hàng có thể chọn thanh toán trực tiếp hay thanh toán bằng thẻ

Hoạt động hệ thống: Hệ thống xác nhận yêu cầu và lấy thông tin từ bảng đơn hàng.
Hệ thống hiển thị giao diện thanh toán

- + Khi thanh toán bằng thẻ: Hệ thống hiển thị giao diện thanh toán bằng thẻ. Hệ thống xác nhận yêu cầu và kiểm tra. Hệ thống trừ tiền trong ngân hàng và hiển thị thanh toán thành công
- + Khi thanh toán trực tiếp: Hệ thống hiển thị hình thức thanh toán của đơn hàng là thanh toán trực tiếp

7.3.2.12. Quản lý đơn hàng cá nhân

Mô tả: Cung cấp các thông tin đơn hàng cho khách hàng gồm: mã đơn hàng, trạng thái đơn hàng, tổng số tiền.

Những thông tin đó bao gồm:

Xem thông tin chi tiết

Tìm kiếm đơn hàng

7.3.2.12.1. Xem thông tin chi tiết

Mô tả: Cung cấp cho khách hàng thông tin chi tiết của 1 đơn hàng gồm: tên sản phẩm trong đơn hàng, số lượng từng loại sản phẩm, giá tiền, tiến độ đơn hàng, thời gian đặt hàng, thời gian thanh toán (với đơn hàng đã được thanh toán trước), thời gian giao hàng thành công (với đơn hàng đã được giao thành công), thời gian hủy đơn hàng (với đơn hàng đã được hủy), tình trạng trả hàng (với đơn hàng được yêu cầu trả hàng)

Những thông tin bao gồm:

Hủy đơn hàng (nếu đơn hàng đã cập nhật trạng thái đang giao hàng thì không hiển thị chức năng này).

Đánh giá sản phẩm (nếu đơn hàng chưa được giao thành công thì không hiển thị chức năng này, nếu đơn hàng đã được đánh giá thì chức năng này sẽ trở thành “Xem đánh giá”).

Yêu cầu trả hàng (nếu đơn hàng chưa được giao thành công thì sẽ không hiển thị chức năng này).

7.3.2.12.1.1. Hủy đơn hàng

Mô tả: Xác nhận hủy đơn hàng của khách hàng. Khi khách hàng chọn đơn hàng và bấm hủy, hệ thống thông báo hủy đơn hàng thành công.

Thông tin đầu vào: khách hàng bấm hủy đơn tại đơn hàng đang xem thông tin.

Hoạt động của hệ thống: hệ thống sẽ kiểm tra thông tin xem quản lý đã xác nhận đơn hàng này chưa, nếu chưa xác nhận thì xác nhận yêu cầu hủy, nếu đã xác nhận thì thông báo hủy đơn không thành công.

7.3.2.12.1.2. Đánh giá sản phẩm

Mô tả: Khi khách hàng chưa đánh giá: cập nhật đánh giá của khách hàng, khi khách hàng bấm đánh giá và gửi đánh giá, hệ thống thông báo đánh giá thành công và cập nhật đánh giá trong thông tin của các sản phẩm.

Khi khách hàng đã đánh giá sản phẩm: hiển thị đánh giá của khách hàng với đơn hàng.

Thông tin đầu vào: khách hàng bấm đánh giá tại đơn hàng đang xem thông tin.

Hoạt động của hệ thống: hệ thống kiểm tra đơn hàng mà khách hàng đánh giá và cập nhật đánh giá của khách hàng trong thông tin của các sản phẩm.

7.3.2.12.1.3 Yêu cầu trả hàng

Mô tả: Gửi yêu cầu trả hàng của khách hàng, khi khách hàng bấm gửi yêu cầu trả hàng và điền các thông tin: lí do trả hàng, hình ảnh tình trạng sản phẩm. Hệ thống thông báo đến khách hàng đã gửi yêu cầu trả hàng.

Thông tin đầu vào: khách hàng bấm trả hàng tại đơn hàng đang xem thông tin, lí do trả hàng, hình ảnh tình trạng sản phẩm.

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống thông báo đến khách hàng đã gửi yêu cầu trả hàng thành công và gửi thông báo yêu cầu trả hàng của người mua cho người quản lý.

7.3.2.12.2. Tìm kiếm đơn hàng

Mô tả: Chức năng này sẽ tìm kiếm các thông tin của đơn hàng. Khách có thể tìm kiếm theo tên sản phẩm bất kì có trong đơn hàng. Khi khách hàng nhập thông tin vào và nhấn tìm kiếm, hệ thống sẽ lấy dữ liệu thông tin trùng khớp thông tin đã nhập và đưa ra màn hình danh sách đơn hàng đó.

Thông tin đầu vào: khách hàng nhập tên sản phẩm trong đơn hàng muốn tìm.

Hoạt động của hệ thống: Hệ thống kiểm tra dữ liệu được cung cấp từ khách hàng và hiển thị thông tin các đơn hàng có dữ liệu trùng khớp với thông tin tìm kiếm.

7.3.2.13. Thêm sản phẩm vào giỏ hàng

Mô tả: Khách hàng thêm sản phẩm cần mua vào giỏ hàng. Khi khách hàng thêm sản phẩm vào giỏ hàng, sản phẩm sẽ hiển thị thông tin sản phẩm trong giỏ hàng

Thông tin đầu vào: Thông tin sản phẩm: Tên sản phẩm, số lượng, giá thành

Hoạt động hệ thống: Hệ thống cập nhật thông tin sản phẩm trong giỏ hàng khi khách hàng chọn “Thêm vào giỏ hàng”. Hiển thị thông tin sản phẩm trong giỏ hàng.

7.3.2.14. Quản lý giỏ hàng

Mô tả: Chức năng hiển thị các thông tin sản phẩm trong giỏ hàng mà khách hàng đã thêm bao gồm: Tên sản phẩm, số lượng, giá thành

Những thông tin đó bao gồm:

- + Xóa sản phẩm
- + Cập nhật số lượng sản phẩm

7.3.2.14.1 Xóa sản phẩm

Mô tả: Chức năng xóa sản phẩm trong giỏ hàng

Thông tin đầu vào: Thông tin sản phẩm: Tên sản phẩm, số lượng, giá thành

Hoạt động hệ thống: Hệ thống xác nhận yêu cầu và đưa ra thông báo bạn có muốn xóa sản phẩm trong giỏ hàng không. Hệ thống xác nhận yêu cầu và xóa thông tin sản phẩm trong bảng giỏ hàng. Hệ thống thông báo xóa thành công.

7.3.2.14.2. Cập nhật số lượng sản phẩm

Mô tả: Chức năng cho phép người dùng cập nhật số lượng sản phẩm có trong giỏ hàng

Thông tin đầu vào: Thông tin sản phẩm về số lượng

Hoạt động hệ thống: Hệ thống xác nhận yêu cầu và lấy thông tin từ bảng giỏ hàng. Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm. Hệ thống cập nhật lại số lượng.

7.3.2.15. Đăng ký

Mô tả: Cấp tài khoản cho khách hàng chưa có tài khoản. Khi khách hàng điền thông tin cá nhân và bấm nút “Đăng ký”, hệ thống sẽ tạo ra một tài khoản cho khách hàng.

Thông tin đầu vào: khách hàng cung cấp số điện thoại, mật khẩu.

Hoạt động của hệ thống: hệ thống sẽ kiểm tra thông tin xem có bị trùng khớp với những thông tin đã có trong hệ thống hay không, nếu không thì hệ thống sẽ tạo một tài khoản mới cho khách hàng.

7.3.3. Các ràng buộc thiết kế

- Giao diện thân thiện, dễ sử dụng: Giao diện dễ sử dụng, và dễ truy cập cho người dùng. Đảm bảo được khách hàng có thể tìm kiếm những thông tin sản phẩm mong muốn một cách nhanh chóng và hiệu quả
- Tất cả các trang cùng có một phong cách thiết kế, các thành phần như menu, màu sắc, font chữ, nút bấm, hình ảnh được thiết kế theo cùng một cách nhằm tạo sự nhất quán cho trang web
- Tích hợp được nhiều hình thức thanh toán dễ dàng, nhanh chóng và đa dạng: tích hợp thanh toán an toàn như thanh toán trực tiếp, thanh toán online bằng liên kết ngân hàng, hay ví tiền trong trang web
- Thiết kế cần tối ưu hóa để đảm bảo tốc độ tải trang, giúp người dùng truy cập trang web một cách dễ dàng và nhanh chóng
- Thiết kế phù hợp tương thích với laptop và điện thoại di động, có thể tự động thay đổi font chữ, kích thước để phù hợp với kích thước màn hình của người dùng
- Thiết kế cần đảm bảo tính bảo mật thông tin cho khách hàng, ví dụ phải đảm bảo được dữ liệu thông tin của khách hàng cung cấp khi mua hàng: số điện thoại, địa chỉ, tài khoản ngân hàng, họ tên,...
- Thiết kế có thể mở rộng thêm các chức năng, tối ưu hóa hệ thống trong tương lai

Tài liệu tham khảo

- [1] Giáo trình môn “Phân tích yêu cầu và phần mềm” trường đại học Thủy Lợi
- [2] Bài giảng, Phân tích thiết kế HTTT, Trường Đại học Thủy Lợi
- [3] Trang web bán len <https://shop.noli.vn>